

CÔNG TY CỔ  
PHẦN  
CREATE  
CAPITAL  
VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
CREATE CAPITAL VIỆT NAM  
DN: C=VN, S=MST:0105087537,  
L=104/140 Khuất Duy Tiến - Phường  
Nhân Chính - Quận Thanh Xuân - Hà  
Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE  
CAPITAL VIỆT NAM, OU="Kö BH,KKT",  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE  
CAPITAL VIỆT NAM,  
E=lamdt.hn@gmail.com  
Reason: I am the author of this document  
Location:  
Date: 2020-04-29 18:05:02  
Foxit Reader Version: 9.3.0

CỘNG HÒA

VIỆT NAM

SỐ QUÂN CHÍNH  
Ngày...../...../20.....



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Dương Thị Huyền*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**



*Hà Nội, tháng 04 năm 2020*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0105087537
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6292.5566 – 024.2322.4555
- Số fax:
- Website: <http://createcapital.vn/>
- Mã cổ phiếu: CRC

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Create Capital Việt Nam được thành lập trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010 với số vốn điều lệ là 10 tỷ đồng.
- Ngày 06/10/2011, Công ty TNHH Create Capital Việt Nam thực hiện tăng vốn điều lệ lên là 100 tỷ đồng theo Nghị quyết HĐQT số 2609/NQ ngày 26/09/2011. Giấy CNĐKDN số 0105087537 do SKHĐT Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 1 ngày 06/10/2011.
- Ngày 01/08/2014, Công ty TNHH Create Capital Việt Nam thực hiện tăng vốn điều lệ lên là 150 tỷ đồng theo Nghị quyết HĐQT số 01/NQ/2014 ngày 24/07/2014. Giấy CNĐKDN số 0105087537 do SKHĐT Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 2 ngày 01/08/2014.
- Ngày 11/09/2014, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam với số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng theo Nghị quyết HĐQT số 39/2014/NQ-HĐTV ngày 03/09/2014. Giấy CNĐKKD số 0105087537 do SKHĐT Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 3 ngày 11/09/2014.
- Ngày 01/08/2017, Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 150/2017/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán cho Công ty là CRC.
- Ngày 20/08/2018, Cổ phiếu CRC chính thức có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với giá tham chiếu 12.700 đồng/cổ phiếu.



### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh gạch Tuynel;
- Thương mại vật liệu xây dựng;
- Thi công, xây dựng công trình;
- Sản xuất và thương mại nông sản.

#### 3.2. Địa bàn kinh doanh

- Địa bàn kinh doanh vật liệu xây dựng tập trung chủ yếu tại các tỉnh thành lân cận các nhà máy: Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Kontum, Hà Nội, Đà Nẵng ...
- Địa bàn kinh doanh nông sản: Thị trường trong nước tập trung tại Kontum và thành phố Hồ Chí Minh. Thị trường ngoài nước là Singapore, Mỹ, Thụy Sĩ, Australia, Anh, Trung Quốc...

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

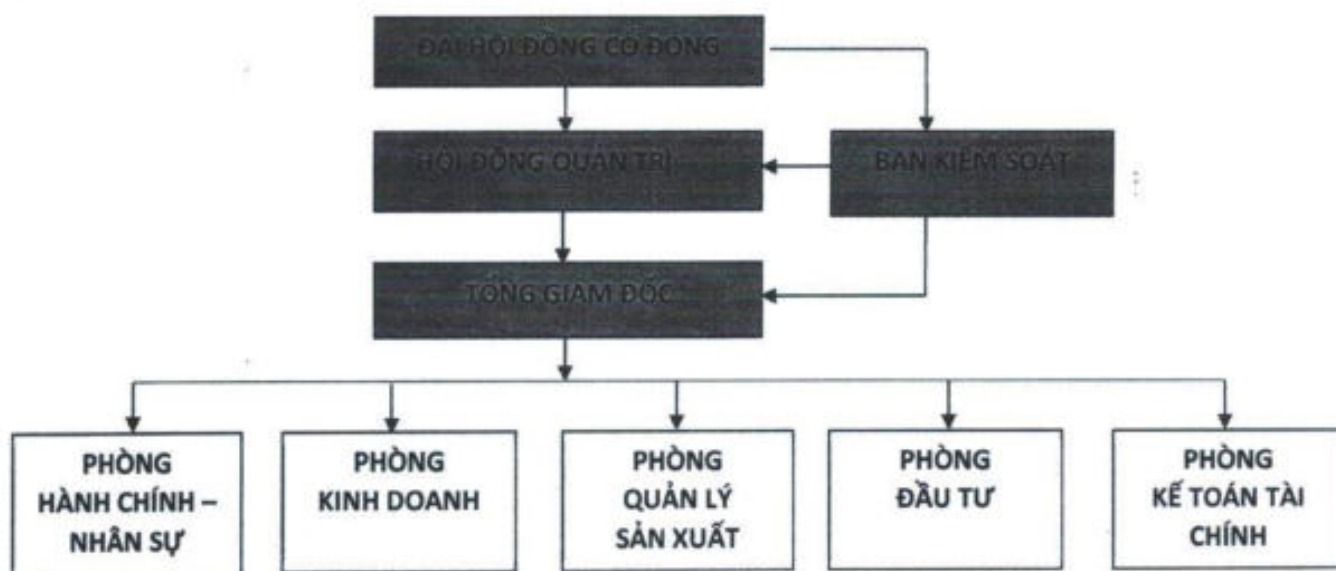
#### 4.1. Mô hình quản trị Công ty

Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng.

#### 4.2. Cơ cấu tổ chức

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



- *Đại hội đồng cổ đông*

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Luật pháp liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- + Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của kiểm toán viên;
- + Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- + Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- + Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- + Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- + Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;
- + Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

- *Hội đồng Quản trị*

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- + Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty;
- + Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- + Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- + Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- + Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định, duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- + Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- + Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của công ty quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 như sau :

1. Ông Mai Anh Tám

Chủ tịch Hội đồng quản trị



- |                         |                              |
|-------------------------|------------------------------|
| 2. Bà Dương Thị Huyền   | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 3. Ông Hoàng Trung Kiên | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 4. Ông Nguyễn Lâm Tùng  | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 5. Ông Đặng Việt Phương | Thành viên Hội đồng quản trị |

• *Ban kiểm soát*

Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 (một) Trưởng Ban Kiểm soát và 02 (hai) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- + Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ công ty;
- + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- + Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- + Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- + Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- + Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- + Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm:

- |                         |                      |
|-------------------------|----------------------|
| 1. Bà Phạm Thị Huế      | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Bà Hà Thị Hiền       | Kiểm soát viên       |
| 3. Ông Nguyễn Tuấn Linh | Kiểm soát viên       |

• *Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 02 người là 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc, nghĩa vụ và quyền hạn cụ thể như sau:

- Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm điều hành Công ty theo định hướng và các quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động của Công ty, chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc như sau:



+ Trực tiếp điều hành và phân công nhiệm vụ để giải quyết các công việc hàng ngày của Công ty;

+ Quyết định kịp thời mọi vấn đề phát sinh liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

+ Báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề không thuộc thẩm quyền xử lý, đồng thời đề xuất phương án giải quyết;

+ Lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao;

+ Ký các văn bản, chứng từ, các hợp đồng, giao dịch theo thẩm quyền;

+ Quyền hạn, nhiệm vụ và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

- Phó Tổng Giám đốc

+ Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc để quản lý và điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nội dung giải quyết công việc tại bảng phân công nhiệm vụ trong từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể và các nội dung được Tổng Giám đốc ủy quyền cho từng công việc cụ thể;

+ Chỉ đạo các đơn vị, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác do Tổng Giám đốc giao theo lĩnh vực được phân công; kiểm tra đôn đốc các phòng, Nhà máy (hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ cụ thể) trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Công ty hoặc của cấp trên liên quan đến Công ty;

+ Giúp Tổng Giám đốc trong việc theo dõi và chỉ đạo, xây dựng cơ chế khuyến khích động viên, thi đua, khen thưởng các kỷ luật của Công ty nhằm phát huy phong trào cống hiến ý tưởng, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, lao động giỏi, lao động sáng tạo để cải thiện môi trường làm việc;

+ Thay mặt Tổng Giám đốc Công ty để giao dịch, làm việc với các cơ quan đơn vị trong và ngoài Công ty thuộc lĩnh vực được công tác được phân công hoặc ủy quyền của Tổng Giám đốc sau đó báo cáo lại kết quả với Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật hiện hành về những quyết định đó;

+ Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền khi Tổng Giám đốc đi vắng giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công, ký và ban hành văn bản thuộc phạm vi được ủy quyền và báo cáo lại Tổng Giám đốc nội dung công việc đã giải quyết trong thời gian nhận ủy quyền.

Tổng Giám đốc Công ty hiện nay là Ông Mai Anh Tám.

Phó Tổng Giám đốc hiện nay là Bà Dương Thị Huyền.

• Phòng Đầu tư

+ Là phòng chiến lược của Công ty, phòng luôn được đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, nắm bắt tốt chính sách và quan hệ đối ngoại tìm kiếm cơ hội đầu tư, tham mưu



cho lãnh đạo về quyết định đầu tư, quản lý quá trình đầu tư; quản lý giám sát các hạng mục dự án.

+ Thường xuyên báo cáo cấp trên về tình hình hoạt động của các công ty thành viên, giám sát chặt chẽ hoạt động của công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác. Tham mưu cho lãnh đạo về quy chế quản lý, đầu tư.

- *Phòng Hành chính – Nhân sự*

+ Chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc và thực hiện các hoạt động liên quan đến việc tổ chức, quản lý hành chính, quản lý nhân sự, lao động tiền lương;

+ Tư vấn, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng quy trình/ quy định/ quy chế, chính sách liên quan đến hành chính, nhân sự;

+ Thực hiện thanh toán lương, bảo hiểm, các chế độ, chính sách cho nhân viên theo Luật Lao động Việt Nam và Quy định của Công ty;

+ Xây dựng Kế hoạch, tổ chức tuyển dụng và đào tạo nhân sự, quản lý hồ sơ nhân sự;

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nội quy/quy định của Công ty;

+ Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện 5S để đảm bảo môi trường làm việc luôn được sạch sẽ, chuyên nghiệp;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức bộ máy, nhân sự của Công ty;

+ Thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ;

+ Cập nhật các văn bản của hệ thống quản lý chất lượng;

+ Lên kế hoạch và hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, lương, thưởng;

+ Xây dựng, kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;

+ Tổ chức quản lý, sử dụng con dấu của Công ty đúng qui định của pháp luật.

+ Giúp Ban giám đốc trong việc lễ tân, tiếp khách;

+ Chăm sóc sức khỏe CBCNV trong toàn Công ty cấp cứu sơ cứu bệnh nhân; hàng năm mua và theo dõi bảo hiểm y tế cho CBCNV Công ty;

+ Các công việc khác theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- *Phòng Kế toán*

+ Thực hiện công tác tài chính, kiểm toán nội bộ, quản lý tài sản, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong toàn Công ty.

+ Lập kế hoạch thu, chi tài chính hàng năm của Công ty tham mưu cho Tổng Giám đốc trình HĐQT phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

+ Chủ trì thực hiện nhiệm vụ thu và chi, kiểm tra việc chi tiêu các khoản tiền vốn, sử dụng vật tư, theo dõi đối chiếu công nợ.



- + Xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác và phát triển vốn của Công ty, quản lý, phân bổ, điều chuyển vốn và hoàn trả vốn vay, lãi vay của Công ty;
- + Thực hiện quyết toán quý, 6 tháng, năm đúng tiến độ và tham gia cùng với phòng nghiệp vụ của công ty để hoạch toán lỗ, lãi giúp cho ban giám đốc Công ty nắm chắc nguồn vốn, lợi nhuận.
- + Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước phản ánh trung thực kết quả hoạt động của Công ty;
- + Phân tích tình hình tài chính, cân đối nguồn vốn, công nợ.... trong Công ty và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng Giám đốc;
- + Chủ trì làm việc với các cơ quan thuế, kiểm toán, Ngân hàng và các đơn vị chức năng khác;
- + Lập hồ sơ vay vốn trung hạn, ngắn hạn Ngân hàng, lập kế hoạch và quy định huy động vốn từ các nguồn khác phục vụ cho công tác giải ngân thanh quyết toán cho các nhà thầu thi công.
- + Chủ trì hướng dẫn công tác hạch toán nghiệp vụ kế toán tài chính trong toàn Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành, kiểm tra việc thực hiện chế độ hạch toán kế toán, quản lý tài chính và các chế độ chính sách khác liên quan đến công tác tài chính, kế toán của Công ty.
- + Kiểm tra định kỳ về công tác kế toán, thực hiện chế độ chính sách, kỷ luật thu chi tài chính, kế toán vốn và các loại tài sản khác trong toàn công ty nhằm thực hiện đúng các chế độ chính sách của Nhà nước đã quy định.
- + Tham gia soạn thảo, thẩm định hồ sơ, theo dõi, kiểm tra tiến độ giải ngân, thanh quyết toán đối với các hợp đồng kinh tế trong Công ty cũng như nguồn vốn đầu tư cho các dự án, các công trình do Công ty làm chủ đầu tư và thực hiện.

• *Phòng Kinh doanh*

- + Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến bán hàng, marketing của Công ty;
- + Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn; nghiên cứu tình hình môi trường kinh doanh;
- + Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh để xác lập định hướng chiến lược phát triển toàn diện Công ty, các chính sách phát triển, các kế hoạch dài hạn;
- + Xây dựng chiến lược marketing, chính sách marketing phù hợp với từng giai đoạn phát triển, từng sản phẩm, từng dịch vụ;
- + Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, chiến lược, chiến thuật nâng cao sức mạnh cạnh tranh của Công ty;
- + Chủ trì lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng tháng, quý, năm và kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty;
- + Thống kê, tổng hợp tình hình thực hiện các công việc kinh doanh của Công ty;



- + Phân tích đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm;
- + Chủ trì soạn thảo và quản lý các hợp đồng kinh tế, phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ kiểm tra theo dõi các công tác liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng kinh tế;
- + Quản lý các hợp đồng kinh tế (quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện, thanh lý hợp đồng);
- + Phối hợp với Phòng Kế toán trong việc thanh toán hợp đồng và thu hồi nợ;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc phân công.

- *Phòng Quản lý sản xuất*

- + Quản lý và xây dựng kế hoạch SXKD trong Công ty.
- + Quản lý giám sát các Công ty con, công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác mọi hoạt động sản xuất kinh doanh
- + Công tác điều độ sản xuất, công tác thống kê kế hoạch SXKD, phối hợp với các phòng ban liên quan thực hiện công tác quản lý mua sắm và dự trữ các loại vật tư phục vụ cho SXKD, công tác quản trị chi phí sản xuất.
- + Phối hợp với phòng Kế hoạch kinh doanh để đề ra chiến lược, tính toán sản lượng đầu ra phù hợp với tình hình phát triển của thị trường.
- + Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và trách nhiệm xã hội tại Công ty.

### 4.3. Các công ty con, công ty liên kết

#### 4.3.1. Công ty con

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Ngành, nghề kinh doanh
1	Công ty Cổ phần Gạch Ngói Vĩnh Phúc	Khu Đồi Gộc, Thôn Nội, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	29.400	98%	Sản xuất và kinh doanh gạch Tuynel
2	Công ty TNHH Sản xuất và xuất khẩu CRC Bình Phước	Khu 7, phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước	180	95%	Nông sản
3	Công ty cổ phần Công nghệ CRC	Số 1 – BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc,		95%	Sản xuất linh kiện điện tử

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp (trillion đồng)	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Ngành, nghề kinh doanh
		quận Hà Đông, thành phố Hà Nội			
4	Công ty cổ phần liên doanh và phát triển năng lượng CRC	BT4, khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội		55%	Sản xuất linh kiện điện tử

#### 4.3.2. Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp (trillion đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Ngành, nghề kinh doanh
1	Công ty cổ phần gốm sứ Haceco	Khu 8, xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	29.400	48%	Sản xuất và kinh doanh gạch Tuynel
2	Công ty TNHH Trường Sơn	Xóm Khang Định, xã Yên Mông, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	18.000	45%	Sản xuất và kinh doanh gạch Tuynel

### 5. Định hướng phát triển

#### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng chiến lược, chính sách phát triển bền vững.
- Hoàn thiện công tác đào tạo, triển khai theo định hướng phát triển bền vững từ cấp quản lý tới các nhân viên.
- Tăng trưởng đi đôi với bảo vệ môi trường.



## 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

### 📌 Chiến lược ngành hàng

- Tập trung phát triển thương hiệu.
- Đa dạng hóa mẫu mã nhằm đáp ứng tối ưu nhu cầu khách hàng.

### 📌 Chiến lược phân phối

- Giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ;
- Xây dựng chính sách giá, quyền lợi phù hợp với các đại lý;
- Xây dựng, phát triển kênh bán hàng online.

### 📌 Chiến lược sản xuất

- Thực hiện đầu tư có chiều sâu trên cơ sở hợp lý hoá dây chuyền và mặt bằng sản xuất gạch hiện có của Công ty con để nâng công suất sản xuất của các dây chuyền.

### 📌 Chiến lược quản trị

- Quản trị doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững;
- Thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, môi trường và người lao động;

## 5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty

- Giữ vững thị phần hiện có trong các ngành, nghề đang triển khai kinh doanh;
- Tiếp tục phát triển hoạt động xuất khẩu hàng nông, sản,
- Nghiên cứu các ngành, nghề kinh doanh triển vọng và phù hợp nhu cầu thị trường để thực hiện đầu tư
- Doanh thu Công ty đạt mốc 500 tỷ đồng vào năm 2024.

## 6. Các rủi ro

### 6.1. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá dịch vụ đối với Công ty đến từ sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã có các biện pháp như: tính toán giá bán hợp lý phù hợp với thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, từng bước đổi mới trang thiết bị, mở rộng quy mô hoạt động ...

### 6.2. Rủi ro về giá nguyên liệu

Nguyên liệu chính trong các sản phẩm gạch tuynel của Công ty là đất sét dùng trong sản xuất gạch, than và dầu diesel. Đối với những doanh nghiệp sản xuất gạch Tuynel thì đất sét đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình sản xuất. Quy trình sản xuất gạch Tuynel yêu cầu đất sét sau khi khai thác phải được ngâm ủ trong kho từ 06 -12 tháng nhằm tăng tính dẻo và độ đồng đều của đất sét. Đất được ngâm ủ càng lâu càng cho ra sản phẩm chất lượng. Do đó, chính sách tồn kho nguyên liệu của Công ty là luôn duy trì lượng đất sét đủ để đảm bảo sản xuất trong một năm. Với chính sách dự trữ như vậy, Công ty đã giảm thiểu ảnh hưởng của việc tăng giá đất đột xuất đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều tương tự xảy ra đối với nhóm nguyên liệu than, Công ty nhập than từ các đối tác lâu năm nên luôn được ưu đãi về giá và tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro giá than tăng cao cũng như tiết giảm chi phí vận chuyển, mỗi lần nhập kho, Công ty thường đặt hàng cả chuyến tàu chở than có trọng tải lớn đủ sản xuất trong vòng 1-2 tháng.



Dầu diesel chỉ chiếm khoảng 3% trong giá trị nguyên vật liệu sản xuất gạch, nên biến động giá sẽ không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Các nguyên liệu nông sản như cao su, điều ... luôn có sự biến động về giá. Vì vậy, Công ty cần phải nắm bắt nhanh nhạy sự biến động của thị trường để đưa ra các quyết định kinh doanh có hiệu quả.

### 6.3. Rủi ro về cạnh tranh thị trường

Đối với thị trường gạch xây dựng, sản phẩm tiêu thụ theo từng vùng nên các lò gạch được phân bố rải trải khắp các tỉnh thành trên toàn quốc. Vì vậy, ngành sản xuất gạch xây dựng có tính cạnh tranh cao. Để có thể đứng vững trên thị trường, Công ty phải có những cải tiến về kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đồng thời, Công ty cũng tổ chức hệ thống tiêu thụ sản phẩm đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

### 6.4. Các rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có thể gây ra những thiệt hại về tài sản, con người, thị trường... và do đó sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2019

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

*Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất năm 2019*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm so với năm 2018 (%)
Doanh thu	240.981.19	404.671.17	67,93
Lợi nhuận sau thuế	12.779.53	5.373.63	(57,92)

*Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Mức độ hoàn thành (%)
Doanh thu	311.361.48	404.671.17	129,97
Lợi nhuận sau thuế	14.375.92	5.373.63	37,37

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2019 của Công ty đạt 404,67 tỷ đồng, tăng 163,68 tỷ đồng -- tương đương với mức tăng trưởng 67,93% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm xuống còn 5,3 tỷ đồng so với 12,8 tỷ đồng



cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn của các mặt hàng thương mại trong năm biến động lớn và liên tục.

## **2. Tổ chức và nhân sự**

### **2.1. Danh sách ban điều hành**

#### **2.1.1. Tổng giám đốc/Chủ tịch HĐQT: Ông Mai Anh Tám**

- Họ và Tên: **MAI ANH TÁM**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/03/1967
- Nơi sinh: Quê Võ, Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 104/140, Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại (Falami)
- Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội (HaproSimex)
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (HDA)
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CRC Solar Cell
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết, trong đó:
  - a. Cá nhân sở hữu: 1.500.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
  - b. Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - c. Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

#### **2.1.2. Phó Tổng giám đốc: Bà Dương Thị Huyền**

- Họ và Tên: **DƯƠNG THỊ HUYỀN**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/04/1987

- Nơi sinh: Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thôn Thu Quế, xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, TP Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc CTCP Create Capital Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần CRC Solar Cell
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết, trong đó:
  - a. Cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần, chiếm 0,33% vốn điều lệ
  - b. Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - c. Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

#### **2.1.3. Kế toán trưởng: Bà Vũ Thị Thủy**

- Họ và Tên: **VŨ THỊ THỦY**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1978
- Nơi sinh: Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Chứng chỉ Kế toán trưởng.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng CTCP Create Capital Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ CRC
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết, trong đó:
  - a. Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - b. Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;



c. Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

## 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2019, Ban điều hành của Công ty có sự thay đổi như sau: Ngày 07/05/2019, miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của Ông Chủ Đình Dũng, bổ nhiệm Bà Vũ Thị Thủy làm kế toán trưởng của Công ty.

## 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, các chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

CRC tự hào là nơi tập trung đội ngũ năng động, chuyên nghiệp và có chuyên môn cao, tính đến 31/12/2019, tổng số cán bộ, nhân viên toàn hệ thống là khoảng **140 người** với cơ cấu như sau:

Cơ cấu nhân sự theo giới tính và trình độ học vấn	
<b>Phân theo giới tính</b>	<b>140</b>
Nam	55
Nữ	85
<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	<b>140</b>
Trình độ trên đại học	1
Trình độ đại học	25
Trình độ cao đẳng, trung cấp	15
Đối tượng khác	99

### 🏢 Chính sách lao động chung

○ Công ty luôn xác định nhân lực là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác cùng đồng nghiệp. Lực lượng lao động mới được tiếp nhận theo một quy trình chặt chẽ và có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín, đồng thời Công ty cũng có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên. Ngoài ra, Công ty đã sử dụng một cách có hiệu quả Quỹ phúc lợi phục vụ cho các hoạt động thăm hỏi đồng viên, nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi và tăng cường văn hoá doanh nghiệp.

○ Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày đối với bộ phận hành chính và đối với lái xe, nhân viên phục vụ làm việc không quá 4 tiếng liên tục và không quá 10 tiếng/ngày; Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ thai sản Công ty luôn đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến việc tạo điều kiện



làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng được hệ thống văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát, đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cán bộ công nhân viên làm việc hiệu quả. Các lao động trực tiếp đều được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ, vệ sinh lao động, được tập huấn đào tạo tay nghề thường xuyên đảm bảo chất lượng tốt nhất.

○ Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa theo trình độ, cấp bậc, thâm niên của từng người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người. Khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên hăng say lao động, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật. Công đoàn Công ty được giao nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, công nhân viên như khám sức khỏe định kỳ, phát động phong trào thể thao, du lịch, văn nghệ nhằm tạo sự đoàn kết trong toàn thể cán bộ nhân viên.

### **3. Tình hình đầu tư, tình thực thực hiện các dự án**

#### **3.1. Các khoản đầu tư lớn**

##### **3.1.1. Đầu tư tài chính**

###### **3.1.1.1. Ngắn hạn**

Theo nghị quyết HĐQT số 2903/NQ/HĐQT/2017 ngày 29/03/2017 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty. Tính tới thời điểm 31/12/2019, tổng các khoản tiền gửi này của Công ty là 33 tỷ đồng.

###### **3.1.1.2. Dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của công ty bao gồm: Đầu tư và công ty con; công ty liên doanh, liên kết; đầu tư vào đơn vị khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

###### **a. Đầu tư vào các Công ty con**

Trong năm 2019, Công ty thực hiện góp vốn đầu tư thêm vào 2 Công ty con là: Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước và Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc. Cụ thể:

###### *Đầu tư vào Công ty con trong năm 2019*

<b>Tên Công ty</b>	<b>Số lượng cổ phiếu sở hữu tại thời điểm 31/12/2019</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD (%)</b>	<b>Giá trị đầu tư thêm trong năm (VNĐ)</b>
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước		95	180.000.000
Công ty Cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	2.940.000	98	11.440.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.940.000</b>		<b>11.620.000.000</b>



**b. Đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết**

✓ Ngày 18/07/2019, Công ty thực hiện thoái toàn bộ lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum. Số lượng cổ phần thoái vốn là 1.494.000 cổ phần, tương đương 49,8% VDL của Kontum (giá trị vốn cổ phần theo mệnh giá là 14,94 tỷ đồng). Các khoản vốn đầu tư thêm khác được liệt kê trong bảng dưới đây:

*Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết năm 2019*

Tên Công ty	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại thời điểm 31/12/2019	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD (%)	Giá trị đầu tư thêm trong năm (VNĐ)
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	2.940.000	48	21.5000.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn		45	10.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.940.000</b>		<b>32.000.000.000</b>

**3.2. Các công ty con, công ty liên kết****3.2.1. Công ty con**

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 của các Công ty con như sau:

STT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước	Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc
1	Tổng tài sản	326.984.932	39.583.440.358
2	Tài sản ngắn hạn	116.984.932	15.404.436.960
3	Tài sản dài hạn	210.000.000	24.179.003.398
4	Nợ phải trả	151.000.000	9.380.427.624
5	Nguồn vốn chủ sở hữu	175.984.932	30.203.012.734
6	Doanh thu thuần	0	5.812.815.885
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.008.468)	1.708.020.951
8	Lợi nhuận khác	(6.600)	(1.184.927.298)
9	Lợi nhuận sau thuế	(4.015.068)	(701.170.934)

### 3.2.2. Công ty liên kết, liên doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 của các Công ty liên kết, liên doanh như sau:

STT	Chỉ tiêu	Công ty cổ phần gốm sứ Haceco	Công ty TNHH Trường Sơn
1	Tổng tài sản	67.852.672.312	73.267.773.628
2	Tài sản ngắn hạn	41.382.975.506	17.949.988.312
3	Tài sản dài hạn	26.469.696.806	55.317.785.316
4	Nợ phải trả	6.622.472.794	33.251.751.661
5	Nguồn vốn chủ sở hữu	61.230.199.518	40.016.021.967
6	Doanh thu thuần	15.923.017.972	23.278.384.939
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	90.193.268	75.004.310
8	Lợi nhuận khác	0	(63.930.905)
9	Lợi nhuận sau thuế	72.154.614	8.858.724

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1. Tình hình tài chính

*Các chỉ tiêu tài chính tại thời ngày 31/12/2019*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	347.665.660.215	404.703.465.648	16,40
Doanh thu thuần	240.981.195.347	404.671.176.864	67,92
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.726.188.276	7.423.441.119	(55,61)
Lợi nhuận khác	(619.025.708)	(1.168.750.364)	88,80
Lợi nhuận trước thuế	16.107.162.568	6.254.690.755	(61,16)
Lợi nhuận sau thuế	12.779.533.855	5.373.635.333	(57,95)



## 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,58	1,36	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,08	0,91	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,43	0,57	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,78	1,33	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,99	4,47	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,69	0,99	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	5,31%	1,32%	
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,63%	3,09%	
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,67%	1,32%	
+ Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,94%	1,83%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cổ phần. Trong đó:
  - Cổ phần phổ thông: 15.000.000 cổ phần
  - Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 12.708.000 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 2.292.000 cổ phần

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

#### 5.2.1. Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu

*Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2019*

SST	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Mai Anh Tâm	Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	1.500.000	10,00%
2	Các cổ đông nhỏ còn lại		13.500.000	90,00%

**5.2.2. Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí: Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước, nước ngoài; cổ đông nhà nước và các cổ đông khác**

*Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí khác tại ngày 31/12/2019*

SST	Tiêu chí phân loại	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	<b>Cổ đông sở hữu từ trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết</b>	<b>1.500.000</b>	<b>10,00%</b>	<b>01</b>
	- Tổ chức trong nước	-	-	-
	- Cá nhân trong nước	1.500.000	10,00%	01
	- Tổ chức nước ngoài	-	-	-
	- Cá nhân nước ngoài	-	-	-
2	<b>Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết</b>	<b>13.500.000</b>	<b>89,987%</b>	<b>408</b>
	- Tổ chức trong nước	-	-	-
	- Cá nhân trong nước	13.498.000	90,00%	407
	- Tổ chức nước ngoài	-	-	-
	- Cá nhân nước ngoài	2.000	0,013%	01
3	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-
4	<b>Cổ phiếu ưu đãi</b>	-	-	-
	<b>TỔNG</b>	<b>15.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>409</b>

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Không phát sinh trong năm 2019

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ**

- Không phát sinh trong năm 2019



## 5.5. Các chứng khoán khác

- Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

#### 6.1.1. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Trong cơ cấu giá thành một viên gạch, chi phí nguyên vật liệu chính chiếm khoảng 40%. Trong đó, đất sét và than là hai nguyên liệu tối quan trọng, lần lượt chiếm khoảng 22% và 15% giá thành, còn lại 3% là dầu diesel.

*Nguyên liệu đất sét:* loại đất có đặc tính dẻo, mịn, giảm trọng lượng khi nung và phơi, sau khi nung sẽ đổi màu, cứng và kết dính. Đất sét là nguyên liệu chính cấu thành sản phẩm gạch. Trữ lượng mỏ cộng với chất lượng của sét chính là những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng sản phẩm sản xuất ra.

Công ty thực hiện mua đất sét tại các địa điểm ngay gần lò sản xuất gạch. Lợi thế này giúp Công ty chủ động được nguồn sét đầu vào để sản xuất sản phẩm, từ đó có nhiều lợi thế cạnh tranh cũng như hạn chế được những rủi ro liên quan đến yếu tố đầu vào.

*Than:* Hai loại than chính sử dụng trong quy trình sản xuất gạch Tuynel của Công ty là than pha và than đốt. Để tiết kiệm chi phí vận chuyển cũng như đảm bảo tính đồng nhất đồng nhất về chất lượng của than trong quá trình nung - đốt, nên mỗi lần nhập kho nguyên liệu này, Công ty nhập nguyên tàu chở than với trọng tải lớn, đủ để một nhà máy sản xuất trong 1 - 2 tháng.

Trong cơ cấu giá thành các sản phẩm nông sản của Công ty, chi phí nguyên liệu thô chiếm 90%, còn lại là chi phí thuê gia công và vận chuyển.

Số lượng nguyên liệu được sử dụng trong năm như sau:

- Đất nguyên liệu: 14.191 m<sup>3</sup>
- Than cám: 5.405.031 kg
- Điện: 570.000 Kw
- Dầu: 29.552,24 lít
- Xăng: 1.000 lít

#### 6.1.2. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm dịch vụ chính của tổ chức

- Tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng trong sản xuất tại các nhà máy là khoảng 3 đến 5%.
- Các nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất đều được Công ty khoán định mức nhằm giảm hao hụt lãng phí.



- Việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến không những nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn tiết kiệm đáng kể nhiên liệu cho Công ty.

## 6.2. Tiêu thụ năng lượng

### 6.2.1. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năm 2019, lượng xăng dầu tiêu thụ của Công ty ước tính khoảng 30.552,24 lít. Việc tiêu thụ xăng dầu chủ yếu đến từ nhu cầu sử dụng các xe tải vận chuyển hàng hóa, các xe máy chuyên dùng dùng trong sản xuất, các phương tiện đi lại công tác trong vùng, định kỳ ghé thăm các đại lý bán hàng, v.v... Lượng điện tiêu thụ trong năm của Công ty là 570.000 Kw.

### 6.2.2. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Công ty đã xây dựng và cập nhật các định mức tiêu thụ năng lượng như dầu, điện trong sản xuất kinh doanh theo chính sách sử dụng hiệu quả tiết kiệm nhờ đó tổng năng lượng tiêu hao giảm đáng kể. Các chính sách tiết kiệm năng lượng Công ty đang áp dụng:

- Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng máy móc tránh hao tổn điện năng, nhiên liệu.
- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- Thay thế các thiết bị chiếu sáng thông thường bằng hệ thống tiết kiệm điện như bóng đèn compact, đèn led ...

## 6.3. Tiêu thụ nước

Nguồn nước công ty đang sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh một phần đến từ nguồn nước sạch của các công ty cấp thoát nước địa phương và một phần đến từ hệ thống giếng khoan do công ty tự đầu tư. Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, vệ sinh thường xuyên hệ thống cung cấp nước nội bộ nhằm đảm bảo tránh lãng phí, dễ sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.

## 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không.**
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không.**

## 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

*Phân loại đối tượng lao động của Công ty*

Loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<i>Phân loại theo đối tượng lao động</i>	<i>140</i>	<i>100</i>
HĐQT/Ban tổng giám đốc	4	2,85
Khối sản xuất	116	82,85
Khối văn phòng	20	14,33



<b>Phân loại theo giới tính</b>	<b>140</b>	<b>100</b>
Nam	105	75
Nữ	35	25
<b>Phân loại theo trình độ học vấn</b>	<b>140</b>	<b>100</b>
Trình độ đại học và trên đại học	18	12,85
Trình độ cao đẳng, trung cấp	6	4,30
Khác	116	82,85

#### **✚ Chính sách tuyển dụng**

Việc cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy sao cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được ban lãnh đạo quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được tiến hành công khai, thận trọng và đúng quy trình; cán bộ quản lý đương nhiệm và được bổ nhiệm mới trong năm đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân. Việc sắp xếp lao động trong dây chuyền luôn được rà soát tỷ mỉ, ưu tiên lựa chọn người lao động có trình độ tay nghề cao và có tâm với công việc. Công tác tuyển dụng mới lao động cũng được thực hiện công khai và có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng.

#### **✚ Chính sách đào tạo**

Tại Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, con người luôn là yếu tố trung tâm tạo nên phần giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, vì vậy, tập trung đào tạo, trau dồi chất lượng nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng.

Số lượng lao động tại 31/12/2019 của toàn hệ thống là 140 người.

- Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty là 5.000.000 đồng/người/tháng, và đây cũng là mức lương tương đương với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

- Mỗi quan hệ lao động giữa Công ty và người lao động được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ theo mọi quy định của pháp luật:

- Công ty cam kết thực hiện các chế độ, chính sách lương thưởng, đãi ngộ và môi trường làm việc đối với người lao động thông theo như được ký kết hàng năm.

- Mọi quyền lợi của người lao động (đặc biệt là lao động nữ) đều được đảm bảo theo Bộ luật lao động và quy định của Nhà nước.

- Tất cả nhân viên đều đối xử công bằng với đồng nghiệp giống như cách mình muốn người khác đối xử với chính bản thân mình, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác hay quốc tịch.

- Với nhận định, nguồn nhân lực là nhân tố vô giá tạo nên thành công của doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đầu tư cho người lao động, duy trì chế độ đãi ngộ hấp dẫn. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đầu tư tạo ra môi trường làm việc đoàn kết, cạnh tranh



giúp cho người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình, tạo hiệu quả làm việc cao nhất.

- Ngoài 12 tháng lương cơ bản, mỗi năm người lao động còn được thưởng thêm một tháng lương khác vào dịp Tết Âm lịch; vào các ngày lễ Tết Dương lịch, Quốc tế lao động, Quốc Khánh ... hàng năm, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty sẽ trích thưởng cho người lao động.

- Về chương trình đào tạo người lao động: Tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều được đảm bảo điều kiện làm việc an toàn và chăm sóc sức khỏe. Hàng năm, công ty đều thực hiện đầu tư trang thiết bị và tổ chức các khóa huấn luyện bảo hộ lao động, đồng thời, tích cực thực hiện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Bên cạnh đó, các cán bộ chuyên môn chủ chốt của Công ty thường xuyên được cử tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ như thuế, kiến thức pháp luật, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán để có thể hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ mà HĐQT, cũng như Đại hội đồng cổ đông giao phó.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao tới cộng đồng.
- Là một đơn vị trong khu vực kinh tế tư nhân, Công ty đã đóng góp hơn 3,7 tỷ đồng tiền thuế vào ngân sách nhà nước trong năm 2019. Bên cạnh đó, Công ty góp phần tạo ra công ăn việc làm và giúp cải thiện đời sống của người dân địa phương.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Doanh thu trong năm 2019 tăng gần 163,6 tỷ đồng so với năm 2018, tương đương với mức tăng trưởng 67,93%. Chủ yếu là do hoạt động thương mại hàng hóa tăng 204,33 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận kế toán (hợp nhất) trước thuế đạt 6,25 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) đạt 5,3 tỷ đồng: giảm hơn 57,92% so với thực hiện của năm 2018.

#### **2. Tình hình tài chính**

##### **a) Tình hình tài sản**

Tài sản của công ty (hợp nhất) tại ngày 31/12/2019 đạt 404,7 tỷ đồng, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, cơ cấu tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 68,69% tăng 7,98% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn: các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 53.1%, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng 32,72%, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm 10,63%, tiền và tương đương tiền chiếm 3,08%, còn lại là các tài sản ngắn hạn khác.

##### **b) Tình hình nợ phải trả**

Nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 231,18 tỷ đồng, tăng 49,03% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó cơ cấu nợ ngắn hạn chiếm 98,76%, còn lại là nợ dài hạn.



### **3. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Năm 2020 được Ban giám đốc đánh giá là một năm nhiều khó khăn, thử thách đối với không chỉ bản thân Công ty mà còn với toàn bộ nền kinh tế. Để có thể tồn tại qua giai đoạn khủng hoảng này, Ban điều hành xây dựng chiến lược hoạt động cụ thể cho toàn công ty như sau:

- Ngành sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: tập trung giữ vững hình ảnh thương hiệu đã tạo dựng được; đầu tư nâng cấp, cải tạo các dây chuyền sản xuất, đầu tư áp dụng các công nghệ sản xuất mới nhằm mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất, giảm chi phí và đa dạng hóa sản phẩm nhằm gia tăng sức cạnh tranh; chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu để giá thành phẩm cạnh tranh hơn.

- Ngành chế biến nông sản: giữ vững thị trường hiện có; tìm kiếm thêm nguồn tiêu thụ trong thị trường nội địa.

Với chiến lược hoạt động chi tiết cho từng ngành hàng như trên, Ban điều hành công ty đề xuất tới Hội đồng quản trị, làm cơ sở cho Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với mục tiêu doanh thu đạt 456,42 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 13,924 tỷ đồng.

### **4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

#### **a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Trong năm 2019, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp giúp sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên cũng như đảm bảo hệ thống xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây xanh hóa môi trường làm việc.

#### **b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Năm 2019, với các chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt, quan tâm bảo vệ, chăm lo sức khỏe người lao động, Công ty đã tạo môi trường làm việc lý tưởng, chuyên nghiệp, thu hút được những lao động giỏi cũng như khích lệ và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động.

#### **c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Công ty luôn đặt vấn đề xử lý chất thải, bảo vệ môi trường tại địa phương lên hàng đầu nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Công ty cũng đóng góp vào Ngân sách Nhà nước tổng cộng 5,2 tỷ đồng.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

- *Hiệu quả sản xuất kinh doanh:* Trong năm 2019, HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao phó, quyết liệt và linh hoạt chỉ đạo điều hành theo diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng mọi hoạt động của Công ty theo sát các mục tiêu chiến lược, nỗ lực hoàn thành tốt nhất kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời HĐQT



đã tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt chức năng giám sát và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

- Đánh giá việc thực hiện các trách nhiệm với môi trường và xã hội:
  - + Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.
  - + Đưa ra các chính sách quản lý và bảo vệ môi trường.
  - + Đảm bảo hệ thống xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây xanh xung quanh môi trường làm việc.
  - + Đồng hành, chia sẻ và đóng góp với chính quyền địa phương trong việc giải quyết các vấn đề chung.
  - + Cung cấp các sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Trong năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động công ty trên tinh thần các nghị quyết và quyết định của HĐQT đề ra trong năm, đồng thời luôn báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động hàng quý cho HĐQT một cách đầy đủ, kịp thời, chi tiết.

Ban điều hành đã đưa ra những quyết sách hợp lý phù hợp với biến động của thị trường, cũng như tình trạng của công ty để có thể mang lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nhất.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Năm 2020, trước những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid – 19, tình hình kinh tế thế giới và khu vực dự báo sẽ khó khăn hơn năm 2019 rất nhiều; kinh tế thế giới tăng trưởng cao hơn năm 2018 nhưng không đồng đều và còn nhiều rủi ro. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội nhưng cũng vừa là thách thức đối với Việt Nam. Mục tiêu của Chính phủ đề ra trong phát triển kinh tế 2019 với GDP dự kiến 6,8%, tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân 3,54%, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 8-10%, tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu dưới 2%.

Từ những đánh giá, dự báo của nền kinh tế như trên, Hội đồng Quản trị Công ty định hướng năm 2020 vẫn tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi là gạch tuynel và một số nông sản như cao su, quế, điều..., bên cạnh đó sẽ tiến hành phát triển thêm các hoạt động đầu tư khác nhằm gia tăng nhưng cơ hội từ những thị trường mới, cụ thể như sau:

- Sắt sao chỉ đạo, giám sát, quản lý để các nhà máy hoạt động hiệu quả, đảm bảo các yêu cầu về môi trường và quản lý, giải quyết việc làm cho người lao động địa phương.
- Đa dạng các sản phẩm đầu ra để đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Lĩnh vực đầu tư cần đánh giá, kiểm soát chặt chẽ.



- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đồng thời hỗ trợ Ban Giám đốc kịp thời trong các quyết định sản xuất kinh doanh hàng ngày.

- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để Công ty luôn là môi trường hấp dẫn và nâng cao tinh thần cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty.

- Nghiên cứu ngành công nghiệp năng lượng sạch để triển khai đầu tư trong tương lai.

## **V. Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

##### **❖ Ông Mai Anh Tám – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và Tên : **MAI ANH TÁM**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 25/03/1967

Nơi sinh : Quê Võ, Bắc Ninh

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại (Falami)
- Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội (HaproSimex)
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (HDA)
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CRC Solar Cell

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 1.500.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
- Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.

##### **❖ Ông Hoàng Trung Kiên - Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và Tên : **HOÀNG TRUNG KIÊN**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 29/09/1981

Nơi sinh : Lạc Sơn - Hòa Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Eco Green Life Việt Nam.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
- Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

❖ Ông Nguyễn Lâm Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)

Họ và Tên : NGUYỄN LÂM TÙNG

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 14/12/1982

Nơi sinh : Ninh Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.

❖ Ông Đặng Việt Phương - Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)

Họ và Tên : ĐẶNG VIỆT PHƯƠNG

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 18/01/1980



Nơi sinh : Hà Nội  
Quốc tịch : Việt Nam  
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty nền móng Duafat

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

❖ **Bà Dương Thị Huyền - Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và Tên : **DƯƠNG THỊ HUYỀN**  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 24/04/1987  
Nơi sinh : Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội  
Quốc tịch : Việt Nam  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam/ Phó Tổng giám đốc.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần, chiếm 0,33 % vốn điều lệ.
- Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

**- Tóm tắt hoạt động của HĐQT năm 2019:**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông/ Mr. Mai Anh Tám	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ 25/05/2019	16/16	100%	
2	Bà/ Mrs. Dương Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm từ 25/05/2019	16/16	100%	
3	Ông/ Mr. Hoàng Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm từ 25/05/2019	16/16	100%	
4	Ông/ Mr. Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm từ 25/05/2019	16/16	100%	
5	Ông/Mr. Đặng Việt Phương	Thành viên	Bổ nhiệm từ 25/05/2019	16/16	100%	

**- Nội dung các Nghị quyết HĐQT trong năm 2019:**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	08-03/CRC/NQ-HĐQT	08/03/2019	Thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
2	05.19/CRC/NQ-HĐQT	22/04/2019	Thông qua việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất – thương mại Tự Cường
3	0705/CRC/NQ-HĐQT	07/05/2019	Thay đổi kế toán trưởng của Công ty
4	1505/2019/CRC/NQ-HĐQT	15/05/2019	Thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2019
5	0706/2019/CRC/NQ-HĐQT	07/06/2019	Thông qua việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC
6	1106/2019/CRC/NQ-HĐQT	11/06/2019	Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024
7	2706/2019/CRC/NQ-HĐQT	27/06/2019	Thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất –Thương mại Tự Cường



8	0107/2019/CRC/NQ-HĐQT	01/07/2019	Tổng kết tình hình hoạt động của Công ty 06 tháng đầu năm và một số vấn đề liên quan
9	0907/2019CRC/NQ-HĐQT	09/07/2019	Góp vốn thành lập Công ty TNHH sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước
10	1007/2019/CRC/NQ-HĐQT	10/07/2019	Đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam
11	1107/2019/CRC/NQ-HĐQT	11/07/2019	Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ CRC
12	1807/2019/CRC/NQ-HĐQT	18/07/2019	Thoái vốn cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng VLXD Kontum
13	2507/2019/CRC/NQ-HĐQT	25/07/2019	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019
14	1311/2019/CRC/NQ-HĐQT	06/11/2019	Chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chi trả cổ tức năm 2018
15	1812/2019/CRC/NQ-HĐQT	16/12/2019	Thoái cổ phần CRC đang nắm giữ tại CTCP Viễn thông Telvina Việt Nam
16	3112/2019/CRC/NQ-HĐQT	31/12/2019	Tổng kết hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2019, định hướng kinh doanh và các vấn đề trong năm 2020

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

- + Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, HĐQT đã trao đổi và chất vấn Ban điều hành về các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nghe báo cáo của đại diện Ban điều hành về các khó khăn vướng mắc, cùng thảo luận bàn bạc và đưa ra các giải pháp tháo gỡ.
- + Kết hợp với Ban kiểm soát để nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp.
- + Đưa ra các nghị quyết sau các buổi họp HĐQT để Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện và theo dõi quá trình thực hiện của Ban điều hành.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

❖ Bà Phạm Thị Huế - Trưởng Ban Kiểm Soát

Họ và Tên : PHẠM THỊ HUẾ  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 19/07/1993  
Nơi sinh : Cẩm Lý, Lục Nam, Bắc Giang  
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết , trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 725.000 cổ phần, chiếm 4,8333% vốn điều lệ
- Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

❖ **Bà Hà Thị Hiến – Kiểm soát viên**

Họ và Tên: **Hà Thị Hiến**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 11/07/1981

Nơi sinh: Trục Ninh, Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết , trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 2.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

❖ **Ông Nguyễn Tuấn Linh – Kiểm soát viên**

Họ và Tên : **NGUYỄN TUẤN LINH**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 11/10/1986

Nơi sinh : Quốc Oai, Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam.



Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
- Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

- Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị... đảm bảo công khai, minh bạch.
- Giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty: BKS đã kiểm tra các báo cáo tài chính Quý, bán niên và cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính.
- Phối hợp với bộ phận Kiểm soát nội bộ trong việc thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty theo định kỳ.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Thu nhập của các thành viên Giám đốc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2019 chỉ thù lao với tổng tiền lương trong năm là 19.992.250 VNĐ.

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.**

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có**

**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Trong nhiệm kỳ vừa qua, hoạt động của HĐQT đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định đối với hoạt động của công ty đại chúng, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định pháp luật khác có liên quan, thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty.

**VI. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán**

Báo cáo tài chính 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và được thẩm định bởi Ban kiểm soát Công ty.

Kết quả kiểm toán, thẩm định cho thấy rằng:

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế

độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định Pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được gửi kèm theo báo cáo này.

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Mai Anh Tám





## **CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019



## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 – 41





## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh... của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 06 ngày 07/03/2017.

*Cơ cấu tổ chức:*

Công ty có 04 công ty con và 02 công ty liên kết, chi tiết như sau:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
	<i>Công ty con</i>	
-	Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Khu Đồi Gộc, thôn Nội, Xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
-	Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước	Khu 7, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
-	Công ty cổ phần công nghệ CRC	Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội
-	Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC	BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
	<i>Công ty liên kết</i>	
-	Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Khu 8, Xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
-	Công ty CP SX và Cung ứng VL Xây dựng Kotum (*)	Số 494, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kontum, tỉnh Kontum
-	Công ty TNHH Trường Sơn	Xóm Khang Đình, xã Yên Móng, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình

(\*): Từ ngày 18/07/2019, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần SX và cung ứng VLXD Kontum.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm: Bán hàng hóa (mủ cao su, hạt điều, dầu điều...); Sản xuất gạch; Cho thuê nhà...

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà Dương Thị Huyền	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Hoàng Trung Kiên	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Lâm Tùng	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Đặng Việt Phương	Ủy viên Hội đồng quản trị

#### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Mai Anh Tám	Tổng Giám đốc
- Bà Dương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Phạm Thị Huế	Trưởng ban	
- Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên	
- Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/05/2019
- Bà Hà Thị Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 25/05/2019

### **SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2020

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



Mai Anh Tâm

Tổng Giám đốc



Số: 27/2020/BCKT-CPAMB1

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019.*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 08/04/2020 từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

1791  
CY  
1  
ÁN  
IAM  
NH  
ẤC  
1-VIET

**Vấn đề khác**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Hà Nội. Báo cáo kiểm toán số: 2.0405/19/TC-AC phát hành ngày 10/04/2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM –  
CHI NHÁNH MIỀN BẮC**



**NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

**NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2018-137-1

*Tg*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>310.297.363.922</b>	<b>238.839.703.048</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>9.571.296.647</b>	<b>19.519.565.823</b>
1. Tiền	111		9.571.296.647	13.249.565.823
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.270.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>33.000.000.000</b>	<b>35.853.226.849</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>V.2</b>	33.000.000.000	35.853.226.849
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>164.750.011.378</b>	<b>107.571.125.428</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	69.030.718.528	2.770.415.158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.5</b>	39.613.905.590	84.895.172.780
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.4.1</b>	2.520.000.000	5.358.879.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.7.1</b>	51.418.294.848	14.639.635.320
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.6</b>	(92.976.830)	(92.976.830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	<b>V.10</b>	2.260.069.242	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>101.545.379.897</b>	<b>74.873.964.198</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.9</b>	101.545.379.897	74.873.964.198
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.430.676.000</b>	<b>1.021.820.750</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.8.1</b>	-	3.342.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.430.676.000	1.018.477.947
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>94.406.101.726</b>	<b>108.825.957.167</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>400.000.000</b>	<b>28.205.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	<b>V.4.2</b>	400.000.000	400.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.7.2</b>	-	27.805.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.121.918.313</b>	<b>19.727.855.785</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.11</b>	23.121.918.313	19.727.855.785
- Nguyên giá	222		32.872.139.938	27.339.384.865
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.750.221.625)	(7.611.529.080)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>732.418.022</b>	<b>3.410.811.946</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<b>V.12</b>	732.418.022	3.410.811.946
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>68.688.889.440</b>	<b>56.785.422.912</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.593.889.440	40.190.422.912
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.625.000.000	14.125.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.470.000.000	2.470.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.462.875.951</b>	<b>696.866.524</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.8.2</b>	1.407.647.652	663.918.551
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>V.13</b>	55.228.299	32.947.973
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>404.703.465.648</b>	<b>347.665.660.215</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2019

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>231.187.149.273</b>	<b>155.132.166.394</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>228.321.089.264</b>	<b>150.945.695.050</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	49.096.521.807	6.885.247.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.469.000.000	3.726.773.993
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	659.435.795	2.971.150.276
4. Phải trả người lao động	314		38.897.862	41.626.337
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.251.676.431	54.388.895
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	10.167.065.042	5.200.480.257
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	161.638.492.327	132.066.027.418
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.866.060.009</b>	<b>4.186.471.344</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		158.348.009	30.119.344
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	2.707.712.000	4.156.352.000
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>173.516.316.375</b>	<b>192.533.493.821</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>173.516.316.375</b>	<b>192.533.493.821</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.266.487.502	21.111.923.911
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.937.024.169	8.900.146.675
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.329.463.333	12.211.777.236
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		604.223.948	10.775.964.985
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>404.703.465.648</b>	<b>347.665.660.215</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

NGUYỄN VIỆT GIÁP

Người lập

VŨ THỊ THUÝ

Kế toán trưởng



MAI ANH TÂM

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	404.671.176.864	240.981.195.347
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.22</b>	<b>404.671.176.864</b>	<b>240.981.195.347</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	394.419.553.973	221.523.333.222
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>10.251.622.891</b>	<b>19.457.862.125</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	8.047.747.162	11.375.150.480
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	6.861.993.848	7.544.699.801
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.496.417.819	6.531.333.984
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		38.688.629	403.418.398
9. Chi phí bán hàng	25	VI.26	1.699.864.600	3.396.277.506
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.26	2.352.759.115	3.569.265.420
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.423.441.119</b>	<b>16.726.188.276</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.28	390.239.676	8.466
13. Chi phí khác	32	VI.28	1.558.990.040	619.034.174
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.168.750.364)</b>	<b>(619.025.708)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.254.690.755</b>	<b>16.107.162.568</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	903.335.749	3.289.796.473
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.27	(22.280.327)	37.832.240
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.373.635.333</b>	<b>12.779.533.855</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.387.495.059	12.211.777.236
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		(13.859.726)	567.756.619
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	359	814
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		359	814

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2020

NGUYỄN VIỆT GIÁP  
Người lập

VŨ THỊ THUỶ  
Kế toán trưởng

MAI ANH TÂM  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.254.690.755	16.107.162.568
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.626.928.467	3.612.938.378
- Các khoản dự phòng	03	-	27.893.049
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	300.835.011	872.146.056
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.141.025.241)	(11.310.496.676)
- Chi phí lãi vay	06	6.496.417.819	6.531.333.984
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	7.537.846.811	15.840.977.359
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16.572.741.474)	(14.787.336.488)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.671.415.699)	(1.750.241.361)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	44.023.214.333	(37.993.882.139)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(740.386.298)	(548.768.972)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.381.292.636)	(6.531.333.984)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.210.386.871)	(4.423.322.045)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(38.688.629)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.053.850.463)	(50.193.907.630)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.899.759.635)	(5.316.828.009)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	654.545.455	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.405.172.856)	(7.828.879.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	56.097.278.705	5.951.773.151
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(65.940.000.000)	(1.900.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26.821.913.959	25.732.063.543
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.279.166.921	2.422.884.059
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.392.027.451)	19.061.013.744
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	389.674.829.189	313.480.101.692
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(361.852.212.529)	(279.145.420.078)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.325.190.000)	(2.349.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.497.426.660	31.985.631.614
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	(9.948.451.254)	852.737.728
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.519.565.823	18.666.828.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	182.078	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.571.296.647	19.519.565.823

NGUYỄN VIỆT GIÁP  
Người lập

VŨ THỊ THUỶ  
Kế toán trưởng

MẠI ANH TÂM  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 06 ngày 07/03/2017.

*Cơ cấu tổ chức:*

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 04 công ty con và 02 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Chi tiết	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD		Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019		
	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD	Tỷ lệ vốn theo ĐKKD (%)	Vốn góp thực tế tại Công ty LD, LK, công ty con	Giá trị vốn góp của Công ty	Tỷ lệ vốn góp thực tế
<u>Công ty con</u>					
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	30.000.000.000	98%	30.000.000.000	29.400.000.000	98%
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước (*)	10.000.000.000	95%	180.000.000	180.000.000	100%
Công ty cổ phần công nghệ CRC (**)	2.000.000.000	95%	50.000.000	-	-
Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC (**)	30.000.000.000	55%	30.000.000	-	-
<u>Công ty liên kết</u>					
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	60.000.000.000	49%	61.130.000.000	29.400.000.000	48,09%
Công ty TNHH Trường Sơn	40.000.000.000	45%	40.000.000.000	18.000.000.000	45%

(\*) Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước đang được hợp nhất theo tỷ lệ 100% vào Báo cáo hợp nhất;

(\*\*) Công ty cổ phần công nghệ CRC, Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC chưa được hợp nhất vào báo cáo hợp nhất do Công ty chưa góp vốn.

**Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:**

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

*Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.*

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Công ty có trụ sở tại 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 48 người, trong đó có 3 người là cán bộ quản lý.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

Kỷ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền sử dụng trong kế toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

**III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do công ty mẹ nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

*Các công ty con* được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Công ty liên kết** là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Kế toán trên máy vi tính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam.

#### *Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:*

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản, Vốn bằng tiền, Các khoản phải trả, Các khoản phải thu.

Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có liên quan đến doanh thu nhận trước, hoặc nhận trước tiền của người mua: Doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Khoản nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Các khoản phải trả, khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Trường hợp trong năm phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

#### *Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:*

- + *Đối với các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay gốc ngoại tệ là USD được quy đổi theo tỷ giá mua vào và tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị mở tài khoản hoặc phát sinh khoản vay.*
- + *Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả được quy đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2019.*

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác:

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**Kê khai thường xuyên.**Phương pháp xác định giá gốc của nguyên vật liệu,  
công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm**Bình quân gia quyền.**Mức cao su**Dịch danh**Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng nhà máy sản xuất gạch ngói chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.*

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất năm các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Khung khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 25 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm dây chuyền đóng gói và công trình Nhà ủ đất. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sản xuất.

**Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí trả trước về công cụ dụng cụ và chi phí bảo hiểm được phân bổ trong thời hạn 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa goòng, chi phí khấu hao tài sản được phân bổ trong thời hạn từ 24 tháng đến 36 tháng. Chi phí san lấp mặt bằng phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 421 tháng; Chi phí chạy thử nhà ù đất, chi phí sửa chữa goong được phân bổ trong thời gian 36 tháng;

**Nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

**Các khoản vay**

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, khế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính là trích trước chi phí dịch vụ gia công mù cao su và chi phí lãi vay phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: *Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.*

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31/12/2019 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối từ năm trước.

**Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa (*mủ cao su, hạt điều, dầu điều, gạch...*) được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê nhà...) được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Doanh thu khác**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi, từ khoản cổ tức được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và thu nhập từ việc nhượng bán cổ phần.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận bằng chênh lệch giữa giá mua và giá bán cổ phần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có).

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ. Lỗ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các khoản chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, các chi phí kiểm nghiệm, xếp dỡ, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa, thành phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (*điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...*); chi phí bằng tiền khác (*tiếp khách...*).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Thuế****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

**Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ; Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng; và giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Việc hoàn nhập các chênh lệch tạm thời được khấu trừ dẫn đến sự giảm trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty sẽ chỉ được hưởng lợi ích kinh tế dưới hình thức giảm trừ các khoản nộp thuế nếu có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể bù trừ với phần giảm trừ đó. Do vậy Công ty chỉ ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Thuế (Tiếp theo)

##### Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp theo)

Việc có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ được coi là chắc chắn khi có đủ các chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một cơ quan quản lý thuế của Công ty.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

		31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	(i)	5.243.832.421	1.320.599.536
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	4.327.464.226	11.928.966.287
Các khoản tương đương tiền		-	6.270.000.000
<b>Cộng</b>		<b>9.571.296.647</b>	<b>19.519.565.823</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2019 bao gồm:

	VND
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	5.020.364.034
Công ty cổ phần Gạch Ngói Vĩnh Phúc	130.964.386
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước	92.504.001
<b>Cộng</b>	<b>5.243.832.421</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

	USD	VND
<b>Tiền gửi VND</b>		<b>4.075.712.589</b>
Công ty cổ phần Gạch Ngói Vĩnh Phúc		36.613.842
+ Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam - CN Vĩnh Phúc		825.285
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên		35.148.545
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công		640.012
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước		1.729.114
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước		1.729.114
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam		4.037.369.633
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thăng Long		1.509.346
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		303.129.898
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sở giao dịch		12.675.768
+ Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam - CN Tây Hồ		389.807
+ Ngân hàng nn & PTNN Việt Nam - CN Hồng Hà		36.278.445
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình		3.665.486.221
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		13.844.746
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long		1.920.922
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công		2.134.480
<b>Tiền gửi USD</b>		<b>251.751.637</b>
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam		251.751.637
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	286,77	6.627.255
+ Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam - CN Tây Hồ	290,05	6.708.856
+ Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam - CN Hồng Hà	5.870,21	135.777.957
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	3.030,31	70.030.464
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.138,60	26.309.630
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	272,50	6.297.475
<b>Cộng</b>	<b>10.888,44</b>	<b>4.327.464.226</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ủy của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)	33.000.000.000	33.000.000.000	34.853.226.849	34.853.226.849
Ông Mai Anh Tâm - Chủ tịch HĐQT	-	-	15.981.226.849	15.981.226.849
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung - CEO Công ty	-	-	12.272.000.000	12.272.000.000
Ông Nguyễn Việt Giáp - CEO Công ty (ii)	19.000.000.000	19.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy - Nhân viên Công ty	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-
Bà Bùi Minh Hằng	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000
Tiền gửi đứng tên Công ty	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	33.000.000.000	33.000.000.000	35.853.226.849	35.853.226.849

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2017 ngày 29/03/2017 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

(ii) Khoản ủy thác cho Ông Nguyễn Việt Giáp với số tiền 6.000.000.000 đồng thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân

2.2 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	59.593.889.440	-	40.190.422.912	-
Đầu tư vào đơn vị khác	6.625.000.000	-	14.125.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.470.000.000	-	2.470.000.000	-
Cộng	68.688.889.440	-	56.785.422.912	-





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

2.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2019		01/01/2019	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Gốm sứ	17,43%	6.625.000.000	17,43%	6.625.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Gạch ngói	-	-	18,75%	7.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>6.625.000.000</b>		<b>14.125.000.000</b>
<b>2.2.3 <u>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</u></b>					
Trái phiếu Ngân hàng NN & PTNNVN (*)			31/12/2019		01/01/2019
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)			500.000.000		500.000.000
			1.970.000.000		1.970.000.000
<b>Cộng</b>			<b>2.470.000.000</b>		<b>2.470.000.000</b>

(\*) Công ty mua 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất thả nổi

(\*\*) Công ty mua 197 trái phiếu với giá mua 1.970.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất thả nổi; Trái phiếu đang được thế chấp tại Ngân hàng ĐT và PTVN - Chi nhánh Mỹ Đình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng****3.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	48.706.831.890	-
Công ty cổ phần công nghệ EMP	7.894.499.000	-
S.RUAMTHAI CO.,LTD	2.943.170.640	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	2.090.000.000	-
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	2.922.253.910	1.650.000.000
Công ty TNHH TM Cao su An Bình	1.587.050.000	-
Các khách hàng khác	2.886.913.088	1.120.415.158
<b>Cộng</b>	<b>69.030.718.528</b>	<b>2.770.415.158</b>

**3.2 Phải thu khách hàng với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**4. Phải thu về cho vay****4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Tạ Quang Mạnh (i)	-	5.358.879.000
Trương Thị Vĩnh (ii)	1.160.000.000	-
Nguyễn Thị Huyền (iii)	1.360.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.520.000.000</b>	<b>5.358.879.000</b>

- (i) Hợp đồng số 03/2018/HĐV ngày 01/04/2018, số tiền vay tối đa 6.000.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 8%/năm, trả gốc 6 tháng 1 lần, trả tiền lãi cuối kỳ.
- (ii) Hợp đồng vay số 01/2019 - HĐVP ngày 01/10/2019, số tiền vay tối đa 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 8%/năm.
- (iii) Hợp đồng vay số 02/2019 - HĐVP ngày 01/10/2019, số tiền vay tối đa 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 8%/năm.

**4.2 Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát (i)	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>

- (i) Theo thỏa thuận ngày 26/07/2017, Công ty hợp tác với công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát để thực hiện dự án "Cấp nhiệt cho hệ thống sấy cao su thay thế nhiên liệu dầu DO tại nhà máy chế biến cao su Hiệp Hưng tại xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum". Thời gian hợp tác tính từ ngày Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát nhận đủ tiền vốn góp cho đến hết vòng đời dự án. Công ty được hoàn trả gốc dần trong 60 tháng và được chia đều trong 20 quý, tương ứng số tiền 25.000.000 VND/Quý và sẽ trả với lãi suất là 10% trên số dư nợ giảm dần.

**4.3 Phải thu khác với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5. Trả trước cho người bán****5.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Ông Phạm Văn Lộc (*)	13.879.279.476	16.598.338.521
Bà Doãn Thị Thảo	-	11.454.077.521
Bà Vũ Thị Toan	-	10.757.396.112
Bà Võ Thị Thiện	-	10.079.605.144
Công ty TNHH Giấy An Lộc	4.997.599.784	8.064.786.603
Nguyễn Văn Đang (*)	10.651.682.694	5.930.608.500
Công ty cổ phần chè Minh Thịnh	2.400.000.000	-
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	1.804.599.740	-
Các nhà cung cấp còn lại	5.880.743.896	22.010.360.379
<b>Cộng</b>	<b>39.613.905.590</b>	<b>84.895.172.780</b>

(\*): Theo hợp đồng mua mù cao su với các cá nhân, Công ty sẽ phải thanh toán trước 90% giá trị lô hàng ngay sau khi thống nhất đơn giá mua bán.

**5.2. Trả trước người bán với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**6. Nợ xấu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nợ phải thu khó đòi				
Công ty CP Vật liệu nhẹ Thăng Long	92.976.830	-	92.976.830	-
<b>Cộng</b>	<b>92.976.830</b>	<b>-</b>	<b>92.976.830</b>	<b>-</b>

**7. Các khoản phải thu khác****7.1. Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
<b>Tạm ứng</b>	<b>7.859.807.200</b>	<b>6.677.876.800</b>
Ông Lê Quang Thạch (i)	6.168.547.000	5.223.876.800
Bà Trương Thị Vĩnh (ii)	906.000.000	-
Ông Mai Văn Thế - Tiền tạm ứng	-	1.454.000.000
Các đối tượng khác	785.260.200	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>43.558.487.648</b>	<b>7.961.758.520</b>
Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	-	3.942.534.116
Ông Mai Anh Tám - Lãi tiền gửi HĐUT	-	115.422.850
Bà Hà Thị Hiến - tiền chuyển nhượng cổ phần	-	3.076.123.200
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung - Lãi tiền gửi HĐ ủy thác	-	677.477.893
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Nam BP (iii)	27.104.836.724	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần (iv)	16.212.680.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	240.970.924	150.200.461
<b>Cộng</b>	<b>51.418.294.848</b>	<b>14.639.635.320</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****7. Các khoản phải thu khác (Tiếp theo)****7.1. Phải thu khác ngắn hạn**

- (i) Tạm ứng dự án đầu tư Nhà máy sản xuất gạch, ngói công nghệ mới lò xoay công suất lớn tại khu công nghiệp Minh Quân, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.
- (ii) Tạm ứng tiền mua đất cho Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc
- (iii) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-2019/HĐNT/KD-TN-CRC giữa Công ty CP Create Capital Việt Nam và Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Thành Nam BP thực hiện đầu tư và kinh doanh dự án Kinh doanh sản phẩm nông sản.
- (iv) Hợp đồng chuyển nhượng số 04-15/2019/HĐCNCP/VLXDKT chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum.

**7.2. Phải thu khác dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long (v)	-	27.805.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>27.805.000.000</b>

- (v) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 02/04/2011 và phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 15/01/2014. Công ty góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long để đầu tư thực hiện dự án: "Xây dựng chức năng hỗn hợp dịch vụ công cộng, nhà trẻ và nhà ở căn hộ". Trong năm 2019, Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam đã thu hồi toàn bộ vốn góp hợp tác kinh doanh Công ty cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long.

**8. Chi phí trả trước****8.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
- Bảo hiểm	-	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	3.342.803
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.342.803</b>

**8.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
- Công cụ dụng cụ	28.196.273	43.192.128
- Chi phí san lấp mặt bằng	428.679.455	-
- Nhà ở đất chạy thử	601.670.269	-
- Chi phí sửa chữa Gông	347.756.201	620.726.423
- Chi phí khác	1.345.454	-
<b>Cộng</b>	<b>1.407.647.652</b>	<b>663.918.551</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****9. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.882.876.173	-	42.782.576.564	-
Công cụ dụng cụ	2.364.091	-	2.364.091	-
Chi phí SXKD dở dang	9.132.368.072	-	11.453.740.587	-
Thành phẩm	16.407.743.965	-	13.366.001.842	-
Hàng hoá	37.120.027.596	-	7.269.281.114	-
<b>Cộng</b>	<b>101.545.379.897</b>	<b>-</b>	<b>74.873.964.198</b>	<b>-</b>

Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Loại hàng gửi</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Công ty Cổ phần Cao su Hiệp Hưng	Mủ cao su, cao su thành phẩm	-	5.587.923.634
Công ty Cổ phần Cao Su Bình Dương	Mủ cao su, cao su thành phẩm	-	44.748.735.250
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Mủ cao su, cao su thành phẩm	479.861.399	-
Công ty TNHH Giấy An Lộc	Mủ cao su, cao su thành phẩm	56.136.359.342	-
Ông Nguyễn Văn Đăng	Mủ cao su	16.457.655.850	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Nam BP	Nhân điều	8.680.276.278	-

**10. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Xăng, dầu	7.407	114.428.106	-	-
Than pha	2.414.646	1.084.175.894	-	-
Than cám	1.000.438	1.061.465.242	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.422.491</b>	<b>2.260.069.242</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Đây là phần than, dầu nhà cung cấp giao hàng không đạt tiêu chuẩn về phẩm cấp, hai bên đang làm thủ tục hoàn đổi lại hàng hóa theo đúng phẩm cấp đã thỏa thuận.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## II. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	10.764.255.252	14.628.245.067	1.946.884.546	-	-	27.339.384.865
Mua trong năm	-	560.000.000	-	-	-	560.000.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.536.127.628	3.694.011.946	-	-	-	6.230.139.574
Tăng khác	140.678.272	-	-	-	-	140.678.272
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(641.677.273)	-	-	(641.677.273)
Giảm khác	(615.707.228)	(140.678.272)	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>12.825.353.924</b>	<b>18.741.578.741</b>	<b>1.305.207.273</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>32.872.139.938</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	3.218.019.990	3.798.896.091	594.612.999	-	-	7.611.529.080
Khấu hao trong năm	857.670.502	1.482.725.863	286.532.102	-	-	2.626.928.467
Hao mòn	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	4.239.455	-	-	-	-	4.239.455
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(313.785.541)	-	-	(313.785.541)
Giảm khác	(174.450.381)	(4.239.455)	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>3.905.479.566</b>	<b>5.277.382.499</b>	<b>567.359.560</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.750.221.625</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2019	7.546.235.262	10.829.348.976	1.352.271.547	-	-	19.727.855.785
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>8.919.874.358</b>	<b>13.464.196.242</b>	<b>737.847.713</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.121.918.313</b>

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:

343.022.591	đồng
-	đồng
10.672.025.652	đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****12. Tài sản dở dang dài hạn****12.1 Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019	01/01/2019
- Công trình nhà máy gạch Kim Xá	-	3.410.811.946
- Công trình nhà ở đất	522.418.022	-
- Dây chuyền đóng gói	210.000.000	-
- Tài sản dở dang khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>732.418.022</b>	<b>3.410.811.946</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ giao dịch nội bộ Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
Số đầu năm	32.947.973	173.126.094
Phát sinh trong năm	34.383.641	545.455
Hoàn nhập trong năm	(12.103.315)	(140.723.576)
Số cuối năm	55.228.299	32.947.973

**14. Phải trả người bán****14.1 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Đạt	1.184.152.110	1.184.152.110	1.184.152.110	1.184.152.110
Công ty cổ phần Cầu Đuống	1.189.300.000	1.189.300.000	1.189.300.000	1.189.300.000
Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	-	-	1.594.879.049	1.594.879.049
Công ty TNHH Trường Sáng	442.826.425	442.826.425	442.826.425	442.826.425
Công ty TNHH SX TM Thành Nam BP	28.399.207.976	28.399.207.976	-	-
Công ty TNHH Trường Sơn	4.580.184.113	4.580.184.113	-	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	7.737.364.775	7.737.364.775	-	-
Công ty CP CRC SOLAR CELL	1.980.000.000	1.980.000.000	-	-
Công ty TNHH Thế Vinh Vĩnh Phúc	1.154.810.378	1.154.810.378	1.154.810.378	1.154.810.378
Phải trả cho các đối tượng khác	2.428.676.030	2.428.676.030	1.319.279.912	1.319.279.912
<b>Cộng</b>	<b>49.096.521.807</b>	<b>49.096.521.807</b>	<b>6.885.247.874</b>	<b>6.885.247.874</b>

**14.2 Phải trả người bán với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Trường Sơn	-	-	2.258.773.993	2.258.773.993
Công ty TNHH Vạn Lợi	1.435.000.000	1.435.000.000	1.435.000.000	1.435.000.000
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp nặng MICO	172.000.000	172.000.000	-	-
Công ty cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh	1.862.000.000	1.862.000.000	-	-
Công ty TNHH XNK Italia Lưu Kim	-	-	33.000.000	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.469.000.000</b>	<b>3.469.000.000</b>	<b>3.726.773.993</b>	<b>3.726.773.993</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****16.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	-	45.839.911	5.026.009	40.813.902
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.853.697.776	903.474.188	3.210.386.871	546.785.093
Thuế thu nhập cá nhân	117.452.500	-	117.452.500	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	147.983.808	76.147.008	71.836.800
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	299.484.803	299.484.803	-
<b>Cộng</b>	<b>2.971.150.276</b>	<b>1.396.782.710</b>	<b>3.708.497.191</b>	<b>659.435.795</b>

**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2019	01/01/2019
- Chi phí dịch vụ xuất khẩu, cước điện thoại	-	38.006.247
- Chi phí gia công mù cao su	3.120.168.600	-
- Chi phí lãi vay	131.507.831	16.382.648
<b>Cộng</b>	<b>3.251.676.431</b>	<b>54.388.895</b>

**18. Phải trả khác****18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Kinh phí công đoàn	7.404.845	7.404.845	7.404.845	7.404.845
- Bảo hiểm xã hội	-	-	20.807.658	20.807.658
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.159.660.197	10.159.660.197	5.172.267.754	5.172.267.754
+ Công ty CP Sản xuất cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	459.460.397	459.460.397	21.317.754	21.317.754
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	9.325.760.000	9.325.760.000	5.150.950.000	5.150.950.000
+ Nhận ký quỹ Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu Kim	33.000.000	33.000.000	-	-
+ Phải trả khác	341.439.800	341.439.800	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.167.065.042</b>	<b>10.167.065.042</b>	<b>5.200.480.257</b>	<b>5.200.480.257</b>

**18.2 Phải trả khác với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

## 19. Vay và nợ thuế tài chính

## 19.1. Các khoản vay

	01/01/2019		Phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long	129.987.851.418	129.987.851.418	389.976.037.438	358.325.396.529	161.638.492.327	161.638.492.327
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	59.886.774.589	59.886.774.589	78.620.266.154	138.507.040.743	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà	67.288.991.148	67.288.991.148	200.259.236.456	188.050.243.289	79.497.984.315	79.497.984.315
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	67.862.163.460	17.811.077.945	50.051.085.515	50.051.085.515
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	-	-	34.234.031.673	5.848.215.789	28.385.815.884	28.385.815.884
Vay dài hạn đến hạn trả						
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sơ giao dịch I	2.812.085.681	2.812.085.681	9.000.339.695	8.108.818.763	3.703.606.613	3.703.606.613
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	2.078.176.000	2.078.176.000	-	2.078.176.000	-	-
	724.320.000	724.320.000	-	724.320.000	-	-
	1.353.856.000	1.353.856.000	-	1.353.856.000	-	-
Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sơ giao dịch I	4.156.352.000	4.156.352.000	-	1.448.640.000	2.707.712.000	2.707.712.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	1.448.640.000	1.448.640.000	-	1.448.640.000	-	-
	2.707.712.000	2.707.712.000	-	-	2.707.712.000	2.707.712.000
<b>Cộng</b>	<b>136.222.379.418</b>	<b>136.222.379.418</b>	<b>389.976.037.438</b>	<b>361.852.212.529</b>	<b>164.346.204.327</b>	<b>164.346.204.327</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

20. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>633.993.682</b>	<b>27.045.751.600</b>	<b>18.653.707.886</b>	<b>196.333.453.168</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	12.211.777.236	567.756.619	12.779.533.855
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	(7.500.000.000)	(985.633.529)	(8.485.633.529)
Phân phối quỹ	-	10.645.604.925	(10.645.604.925)	-	-
Giảm khác	-	(633.993.682)	-	(7.459.865.991)	(8.093.859.673)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>21.111.923.911</b>	<b>10.775.964.985</b>	<b>192.533.493.821</b>
<b>Tăng vốn trong năm nay</b>	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	5.387.495.059	(13.859.726)	5.373.635.333
Tăng khác	-	-	791.739.861	18.083.673	809.823.534
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	(9.395.828.000)	(9.395.828.000)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	(7.500.000.000)	-	(7.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(7.524.671.328)	(780.136.985)	(8.304.808.313)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>12.266.487.502</b>	<b>604.223.948</b>	<b>173.516.316.375</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tâm	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	135.000.000.000	135.000.000.000	-	135.000.000.000	135.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2019	Năm 2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.500.000.000	7.500.000.000
Cổ phiếu:		

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**21. Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
Dollar Mỹ (USD)	10.888,44	510.727,03



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>404.671.176.864</b>	<b>240.981.195.347</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	308.412.231.336	104.084.953.546
Doanh thu thành phẩm	93.915.309.168	106.527.120.978
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	1.900.000.000	30.198.211.735
Doanh thu cho thuê tài sản	443.636.360	170.909.088
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>404.671.176.864</b>	<b>240.981.195.347</b>
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>308.412.231.336</i>	<i>104.084.953.546</i>
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>93.915.309.168</i>	<i>106.527.120.978</i>
<i>Doanh thu thuần xây dựng, lắp đặt</i>	<i>1.900.000.000</i>	<i>30.198.211.735</i>
<i>Doanh thu thuần cho thuê tài sản</i>	<i>443.636.360</i>	<i>170.909.088</i>

**23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn của hàng hoá đã bán	306.546.309.655	102.486.601.368
Giá vốn của thành phẩm đã bán	86.068.698.858	89.975.717.907
Giá vốn hợp đồng xây dựng, lắp đặt	1.750.000.000	29.033.741.217
Giá vốn cho thuê tài sản	54.545.460	27.272.730
<b>Cộng</b>	<b>394.419.553.973</b>	<b>221.523.333.222</b>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền vay	1.347.673.272	3.379.309.056
Lãi chênh lệch tỷ giá	233.375.644	50.811.288
Cổ tức nhận được	3.948.227.487	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư	2.518.470.759	7.944.511.413
Doanh thu tài chính khác	-	518.723
<b>Cộng</b>	<b>8.047.747.162</b>	<b>11.375.150.480</b>

**25. Chi phí tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền vay	6.496.417.819	6.531.333.984
Lỗ chênh lệch tỷ giá	64.741.018	141.156.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản ngoại tệ	300.835.011	872.146.056
Chi phí tài chính khác	-	63.543
<b>Cộng</b>	<b>6.861.993.848</b>	<b>7.544.699.801</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

## 26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí cho nhân viên	815.551.704	1.513.359.873
- Chi phí vật liệu quản lý	-	2.625.000
- Chi phí công cụ quản lý	22.981.766	46.030.804
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.310.522	279.980.225
- Thuế, phí và lệ phí	154.060.789	170.982.238
- Chi phí dự phòng	-	27.893.049
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.446.428	1.123.145.637
- Chi phí bằng tiền khác	58.407.906	405.248.594
<b>Cộng</b>	<b>2.352.759.115</b>	<b>3.569.265.420</b>

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí cho nhân viên	199.686.000	-
- Chi phí cho vật liệu bao bì	-	93.411.520
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.500.178.600	3.302.865.986
<b>Cộng</b>	<b>1.699.864.600</b>	<b>3.396.277.506</b>

## 27. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

## 27.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	723.954.547	3.289.796.473
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	179.381.202	-
<b>Cộng</b>	<b>903.335.749</b>	<b>3.289.796.473</b>

## 27.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	(22.280.327)	37.832.240
<b>Cộng</b>	<b>(22.280.327)</b>	<b>37.832.240</b>

## 28. Thu nhập khác và chi phí khác

## Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	390.239.676	8.466
- Các khoản khác	188.385.277	-
<b>Cộng</b>	<b>201.854.399</b>	<b>8.466</b>

## Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
- Phạt vi phạm hợp đồng	55.152.546	127.335.493
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	33.342.000
- Lãi chậm nộp BHXH	2.657.441	5.139.249
- Thuế bị phạt, bị truy thu	390.697.421	281.133.314
- Khấu hao, chi phí phân bổ giai đoạn ngừng sản xuất để sửa chữa	1.083.565.962	-
- Các khoản khác	26.916.670	172.084.118
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b>	<b>(1.168.750.364)</b>	<b>(619.025.708)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.057.895.362	93.957.204.653
Chi phí nhân công	1.554.534.608	3.840.109.956
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.599.327.277	3.612.938.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.076.734.102	11.635.864.338
Chi phí khác bằng tiền	976.435.212	980.056.600
<b>Cộng</b>	<b>95.264.926.561</b>	<b>114.026.173.925</b>

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.387.495.059	12.211.777.236
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	5.387.495.059	12.211.777.236
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>359</b>	<b>814</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, sản xuất gạch và đầu tư tài chính. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Chỉ tiêu	Sản xuất gạch	Kinh doanh hàng hóa (mủ cao su, điều...)	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	5.812.815.885	398.858.360.979	-	404.671.176.864
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>5.812.815.885</b>	<b>398.858.360.979</b>	<b>-</b>	<b>404.671.176.864</b>
<b>Chi phí kinh doanh</b>	<b>4.736.082.799</b>	<b>393.736.094.889</b>	<b>-</b>	<b>398.472.177.688</b>
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	4.104.794.934	390.314.759.039	-	394.419.553.973
- Chi phí bán hàng	199.686.000	1.500.178.600	-	1.699.864.600
- Chi phí QLDN	431.601.865	1.921.157.250	-	2.352.759.115
<b>Kết quả HĐKD</b>	<b>1.076.733.086</b>	<b>5.122.266.090</b>	<b>-</b>	<b>6.198.999.176</b>
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	1.224.441.943	1.224.441.943
- Lợi nhuận khác	-	-	(1.168.750.364)	(1.168.750.364)
<b>- LN/(lỗ) trước thuế</b>	<b>1.076.733.086</b>	<b>5.122.266.090</b>	<b>55.691.579</b>	<b>6.254.690.755</b>

Chỉ tiêu	Sản xuất gạch	Kinh doanh hàng hóa (mủ cao su, điều...)	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.578.228	9.403.718.419	-	9.571.296.647
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	33.000.000.000	33.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.961.303.244	148.859.190.210	8.929.517.924	164.750.011.378
Hàng tồn kho	7.177.588.749	94.367.791.148	-	101.545.379.897
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.430.676.000	-	1.430.676.000
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	400.000.000	400.000.000
Tài sản cố định	22.278.479.451	843.438.862	-	23.121.918.313
Tài sản dở dang dài hạn	522.418.022	210.000.000	-	732.418.022
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	68.688.889.440	-	68.688.889.440
Tài sản dài hạn khác	1.378.105.925	84.770.026	-	1.462.875.951
<b>Tổng tài sản</b>	<b>38.485.473.619</b>	<b>323.888.474.105</b>	<b>42.329.517.924</b>	<b>404.703.465.648</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ ngắn hạn	6.672.715.624	221.648.373.640	-	228.321.089.264
Nợ dài hạn	2.707.712.000	158.348.009	-	2.866.060.009
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>9.380.427.624</b>	<b>221.806.721.649</b>	<b>-</b>	<b>231.187.149.273</b>

**2. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Khu vực nội địa	212.269.019.114	114.909.968.025
Khu vực nước ngoài	192.402.157.750	126.071.227.322
<b>Cộng</b>	<b>404.671.176.864</b>	<b>240.981.195.347</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính****kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính năm 2019, công ty liên kết, các cá nhân, công ty liên quan đến các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết tại Công ty được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Thủ lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Tiền lương và phụ cấp	19.992.250	59.863.200
<b>Cộng</b>	<b>19.992.250</b>	<b>59.863.200</b>

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP Gốm sứ Hecoco	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum	Công ty liên kết từ ngày 01/01/2019 đến ngày 18/07/2019
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/01/2019 đến ngày 03/07/2019
Công ty CP Hăng sơn Đồng Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Phụ gia Bê tông Phá lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Hà Nội	BLQ của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Goldstar Việt Nam	BLQ của thành viên HĐQT
Công ty CP Cao su Hiệp Hưng	BLQ của thành viên HĐQT
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Công ty và các Cổ đông của Cty có ảnh hưởng đáng kể

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>				
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Xuất bán cao su, nhân điều	24.950.545.000	-
		Trả tiền hàng	2.960.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Trả tiền hàng	1.955.340.000	11.498.268.688
		Doanh thu xây lắp	-	6.000.000.000
		Bù trừ công nợ	-	1.046.381.702



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>				
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT	Doanh thu xây lắp	1.900.000.000	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Bán xe ô tô	654.545.455	-
		Xuất bán than, máy móc	-	30.756.742.049
		Trả tiền hàng	-	33.761.190.247
		Bù trừ công nợ	1.538.773.993	-
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Xuất bán hàng hóa	461.489.980	2.015.340.943
		Trả tiền hàng	507.638.934	2.216.875.037
<b>II. Các khoản đầu tư</b>				
Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền đầu tư	15.981.226.849	14.250.000.000
		Ủy thác đầu tư	-	15.900.000.000
		Thu hồi lãi tiền gửi ủy thác	306.147.946	1.178.041.102
		Bán cổ phần cho Công ty	11.440.000.000	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Góp vốn vào Trường Sơn	-	1.900.000.000
<b>III. Phải thu khác</b>				
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Chi tiền cho mượn	180.000.000	-
		Thu hồi tiền cho mượn	180.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Chuyển tiền cho Kontum	635.000.000	810.000.000
		Cổ tức, thu hồi tiền	6.654.500.000	839.445.600
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Chuyển tiền	-	1.190.000.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	1.227.000.000
Bà Dương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển tiền	80.000.000	-
		Thu hồi tiền	80.000.000	-
<b>IV. Tạm ứng</b>				
Bà Dương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	220.000.000	-
		Hoàn tạm ứng	220.000.000	-
<b>V. Phải trả người bán</b>				
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi phí thuê nhà	27.272.730	36.363.640
		Thanh toán tiền thuê nhà	25.000.000	40.000.000
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Nhập gạch đặc	7.143.500.000	-
		Chuyển trả tiền gạch đặc	3.250.000.000	-
		Bù trừ công nợ	-	6.615.130



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
<b>V. Phải trả người bán</b>				
Công ty cổ phần Cao su Hiệp Hưng	BLQ của thành viên HĐQT	Gia công mù cao su Gửi hàng	- -	2.482.857.143 5.587.923.634
Công ty cổ phần Phụ gia Bê tông Phá Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mua hàng hóa	-	305.100.000
Công ty CP Gốm xứ Haseco	Công ty liên kết	Nhập gạch	-	438.900.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Nhập tôn, sắt thép Thanh toán tiền	6.474.009.200 4.080.000.000	- -
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT	Nhập máy móc thiết bị	1.800.000.000	-
<b>VI. Phải trả khác</b>				
Công ty CP Gốm xứ Haseco	Công ty liên kết	Nhận tiền cho mượn Thanh toán tiền mượn	2.000.000.000 2.000.000.000	- -
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Nhận tiền, bù trừ công nợ Trả tiền, bù trừ công nợ	- 234.367.754	1.352.996.832 1.374.314.586

Sổ dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
<b>I. Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 03/07/2019	48.706.831.890	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019	2.922.253.910	1.650.000.000
<b>II. Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	-	2.258.773.993
<b>III. Phải thu khác</b>			
Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	-	115.422.850
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	-	3.942.534.116
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT	2.090.000.000	-
<b>IV. Phải trả người bán</b>			
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT	20.000.000	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT	1.980.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019	458.386.237	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	4.580.184.113	-
<b>V. Trả trước cho người bán</b>			
Công ty cổ phần Cao Su Hiệp Hưng	BLQ của thành viên HĐQT	1.349.377.963	1.349.377.963
<b>VI. Phải trả phải nộp khác</b>			
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019	459.460.397	21.317.754



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác  
Lãi suất cho vay, giá dịch vụ, hàng hoá của các bên liên quan cung cấp là giá thoả thuận.  
Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2018 đã được kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

NGUYỄN VIỆT GIÁP

Người lập

VŨ THỊ THUỶ

Kế toán trưởng



MAI ANH TÂM

Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL  
VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36

1917  
G TY  
HH  
TOÁN  
ETNAM  
NHANH  
N BẮC  
A NỘI

087537  
NG TY  
PHÂN  
E CAPITA  
T NAM  
XUÂN - T.P



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019.

**THÔNG TIN CHUNG**

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 06 ngày 07/03/2017.

*Cơ cấu tổ chức:*

Công ty có 04 công ty con, 02 công ty liên kết, chi tiết như sau:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
	<i>Công ty con</i>	
-	Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Khu Đồi Gộc, Thôn Nội, Xã Kim Xá, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
-	Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước	Khu 7, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước
-	Công ty cổ phần công nghệ CRC	Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
-	Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC	BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
	<i>Công ty liên kết</i>	
-	Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Khu 8, Xã Vũ Yên, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ.
-	Công ty CP SX và Cung ứng VL Xây dựng Kontum (*)	Số 494, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kontum, tỉnh Kontum
-	Công ty TNHH Trường Sơn	Xóm Khang Đình - Xã Yên Mông - Thành phố Hoà Bình - Hòa Bình.

(\*): Từ ngày 18/07/2019, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần SX và cung ứng VL Xây dựng Kontum.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm: Bán hàng hóa (gạch, than, điều, cao su...); Sản xuất cao su, dầu điều...; Cho thuê văn phòng; Xây dựng các công trình dự án năng lượng

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| - Ông Mai Văn Tám      | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Bà Dương Thị Huyền   | Ủy viên Hội đồng quản trị  |
| - Ông Hoàng Trung Kiên | Ủy viên Hội đồng quản trị  |
| - Ông Nguyễn Lâm Tùng  | Ủy viên Hội đồng quản trị  |
| - Ông Đặng Việt Phương | Ủy viên Hội đồng quản trị  |

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| - Ông Mai Anh Tám    | Tổng Giám đốc     |
| - Bà Dương Thị Huyền | Phó Tổng Giám đốc |



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                        |            |                               |
|------------------------|------------|-------------------------------|
| - Bà Phạm Thị Huế      | Trưởng ban |                               |
| - Ông Nguyễn Tuấn Linh | Thành viên |                               |
| - Ông Đặng Tiến Sỹ     | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 25/05/2019 |
| - Bà Hà Thị Hiền       | Thành viên | Bổ nhiệm từ ngày 25/05/2019   |

### **SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2020  
Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



**MAI ANH TÂM**  
Tổng Giám đốc





Số: 26/2020/BCKT – CPAMBI

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 08/04/2020 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vấn đề khác**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Báo cáo kiểm toán số: 2.0404/19/TC-AC phát hành ngày 10/04/2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM –  
CHI NHÁNH MIỀN BẮC**



**NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

*Ta*

**NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2018-137-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>295.875.254.223</b>	<b>222.952.296.275</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>9.309.485.304</b>	<b>19.153.635.176</b>
1. Tiền	111		9.309.485.304	12.883.635.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.270.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>33.000.000.000</b>	<b>35.853.226.849</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	33.000.000.000	35.853.226.849
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>157.788.708.134</b>	<b>100.411.953.496</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	68.195.324.210	2.424.122.226
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	38.817.276.590	84.895.172.780
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.10.1	50.869.084.164	13.185.635.320
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(92.976.830)	(92.976.830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>94.367.791.148</b>	<b>66.527.040.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		94.367.791.148	66.527.040.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.409.269.637</b>	<b>1.006.440.754</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	-	3.342.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.409.269.637	1.003.097.951
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.2	-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>101.608.600.631</b>	<b>101.392.383.960</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>400.000.000</b>	<b>28.205.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	400.000.000	400.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.10.2	-	27.805.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>961.232.358</b>	<b>1.605.019.832</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	961.232.358	1.605.019.832
- Nguyên giá	222		1.598.843.637	2.240.520.910
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(637.611.279)	(635.501.078)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.8	<b>100.219.172.000</b>	<b>71.539.172.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.624.172.000	20.004.172.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.500.000.000	34.940.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.625.000.000	14.125.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.470.000.000	2.470.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.196.273</b>	<b>43.192.128</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	28.196.273	43.192.128
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>397.483.854.854</b>	<b>324.344.680.235</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>222.603.525.036</b>	<b>147.823.656.901</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>222.603.525.036</b>	<b>146.375.016.901</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	47.401.551.429	3.845.587.604
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.469.000.000	3.726.773.993
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	366.185.052	2.767.738.321
4. Phải trả người lao động	314		38.897.862	41.626.337
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.233.344.782	38.006.247
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	10.159.660.197	8.055.198.662
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	157.934.885.714	127.900.085.737
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>1.448.640.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	1.448.640.000
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>174.880.329.818</b>	<b>176.521.023.334</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>174.880.329.818</b>	<b>176.521.023.334</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.234.724.893	15.875.418.409
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.119.827.732	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.114.897.161	15.875.418.409
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>397.483.854.854</b>	<b>324.344.680.235</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

**NGUYỄN VIỆT GIÁP**  
Người lập

**VŨ THỊ THỦY**  
Kế toán trưởng



**MAI ANH TÂM**  
Tổng giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	400.740.048.524	225.509.272.467
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.20</b>	<b>400.740.048.524</b>	<b>225.509.272.467</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	392.229.485.591	213.410.632.348
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>8.510.562.933</b>	<b>12.098.640.119</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	7.919.770.947	17.363.218.774
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	6.213.675.938	5.097.655.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.848.099.909	4.084.352.742
8. Chi phí bán hàng	25	VI.25	1.500.178.600	2.675.421.331
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.24	1.917.143.568	2.367.521.370
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.799.335.774</b>	<b>19.321.261.176</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.26	528.507.885	3.791
12. Chi phí khác	32	VI.26	374.055.905	402.236.398
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>154.451.980</b>	<b>(402.232.607)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.953.787.754</b>	<b>18.919.028.569</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	838.890.593	3.043.610.160
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.114.897.161</b>	<b>15.875.418.409</b>



**NGUYỄN VIỆT GIÁP**  
Người lập



**VŨ THỊ THỦY**  
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

**MAI ANH TÁM**  
Tổng giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.953.787.754	18.919.028.569
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	315.895.742	273.437.939
- Các khoản dự phòng	03	-	27.893.049
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	300.835.011	872.146.056
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.013.049.026)	(14.865.915.490)
- Chi phí lãi vay	06	5.848.099.909	4.084.352.742
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	5.405.569.390	9.310.942.865
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.748.321.326)	(26.133.750.133)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(27.840.751.148)	(12.722.463.756)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	43.934.232.068	(17.700.059.492)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	18.338.658	59.340.758
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.734.923.727)	(4.084.352.742)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.122.991.362)	(2.810.595.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(88.847.447)	(54.080.937.773)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(697.501.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	654.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.337.026.356)	(2.470.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	48.190.253.205	1.736.773.151
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(66.120.000.000)	(1.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.745.790.759	22.655.876.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.151.190.706	(891.719.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.715.246.231)	18.433.428.303
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	380.674.489.494	298.541.925.445
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(352.389.537.766)	(258.820.103.296)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.325.190.000)	(2.349.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.959.761.728	37.372.772.149
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	(9.844.331.950)	1.725.262.679
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.153.635.176	17.428.372.497
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	182.078	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.309.485.304	19.153.635.176

NGUYỄN VIỆT GIÁP

Người lập

VŨ THỊ THỦY

Kế toán trưởng

MAI ANH TÂM

Tổng giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 06 ngày 07/03/2017.

*Cơ cấu tổ chức:*

Công ty có 04 công ty con, 02 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Chi tiết	Vốn điều lệ theo GCNDKKD		Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019		
	Vốn điều lệ theo GCNDKKD	Tỷ lệ vốn theo ĐKKD	Vốn góp thực tế tại Công ty LD, LK, công ty con	Giá trị vốn góp của Công ty	Tỷ lệ vốn góp thực tế (%)
<u>Công ty con</u>					
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	30.000.000.000	98%	30.000.000.000	29.400.000.000	98%
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước	10.000.000.000	95%	180.000.000	180.000.000	100%
Công ty cổ phần công nghệ CRC	2.000.000.000	95%	50.000.000	-	-
Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC	30.000.000.000	55%	30.000.000	-	-
<u>Công ty liên kết</u>					
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	60.000.000.000	49%	61.130.000.000	29.400.000.000	48,09%
Công ty TNHH Trường Sơn	40.000.000.000	45%	40.000.000.000	18.000.000.000	45%

**Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:**

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)****Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Công ty có trụ sở tại 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 17 người, trong đó có 3 người là cán bộ quản lý.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: (Tiếp theo)**

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản Vốn bằng tiền, Các khoản phải trả.

- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Khoản nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu, Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Số dư cuối năm của các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam chi tiết như sau:

- + *Đối với các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay gốc ngoại tệ là USD được quy đổi theo tỷ giá mua vào và tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị mở tài khoản hoặc phát sinh khoản vay*
- + *Đối với các khoản công nợ phải thu được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 23.130 đồng/USD;*

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

**Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản ủy thác và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác:**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:*

*Kê khai thường xuyên*

*Phương pháp xác định giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm*

*Bình quân gia quyền*

*Phương pháp xác định giá gốc của mù cao su*

*Đích danh*

*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng nhà máy gạch ngói, nhà máy năng lượng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.*

7537  
CÔNG TY  
HÂN  
CAPITA  
NAM  
AN-TP

N-010  
CÔNG  
TÂN  
KIỂM  
CPA VII  
CHI N  
MIỄN  
PHÓ HÀ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ trong thời gian 36 tháng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

**Nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ là trích trước chi phí dịch vụ gia công mủ cao su và chi phí lãi vay.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa (mủ cao su, hạt điều, dầu điều ...) được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Doanh thu khác**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi, từ khoản cổ tức được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu từ việc nhượng bán cổ phần.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận bằng chênh lệch giữa giá mua và giá bán cổ phần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí kiểm nghiệm, xếp dỡ, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa, thành phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện thoại, phí ngân hàng ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách ...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ (i)	5.020.364.034	1.003.850.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	4.289.121.270	11.879.785.176
Các khoản tương đương tiền	-	6.270.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.309.485.304</b>	<b>19.153.635.176</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2019 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	5.020.364.034
<b>Cộng</b>	<b>5.020.364.034</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

	VND
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>4.037.369.633</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thăng Long	1.509.346
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	303.129.898
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch	12.675.768
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ	389.807
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	36.278.445
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	3.665.486.221
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	13.844.746
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	1.920.922
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	2.134.480
	<b>USD</b>
<b>Tiền gửi USD</b>	<b>251.751.637</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	286,77
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ	290,05
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	5.870,21
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	3.030,31
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.138,60
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	272,50
<b>Cộng</b>	<b>10.888,44</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****2. Đầu tư tài chính ngắn hạn****2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền gửi ủy của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)	33.000.000.000	34.853.226.849
Ông Mai Anh Tám - Chủ tịch HĐQT	-	15.981.226.849
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung - CEO Cty	-	12.272.000.000
Ông Nguyễn Viết Giáp - CEO Công ty (ii)	19.000.000.000	4.000.000.000
Bà Bùi Minh Hằng	-	2.600.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	14.000.000.000	-
Tiền gửi đứng tên Công ty	-	1.000.000.000
Công ty CP Create Capital Việt Nam	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>35.853.226.849</b>

- (i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2017 ngày 29/03/2017 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.
- (ii) Khoản ủy thác cho Ông Nguyễn Viết Giáp với số tiền 6.000.000.000 đồng được sử dụng để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

**3. Phải thu khách hàng****3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	2.922.253.910	1.650.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Hoàng	-	335.720.000
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	48.706.831.890	-
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	741.176.614	132.000.000
S.RUAMTHAI CO,LTD	2.943.170.640	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	2.090.000.000	-
Công ty cổ phần công nghệ EMP	7.894.499.000	-
Công ty TNHH TM Cao su An Bình	1.587.050.000	-
Các đối tượng khác	1.310.342.156	306.402.226
<b>Cộng</b>	<b>68.195.324.210</b>	<b>2.424.122.226</b>

**3.2 Phải thu khách hàng với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**4. Nợ xấu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nợ phải thu khó đòi				
Công ty CP Vật liệu nhẹ Thăng Long	92.976.830	-	92.976.830	-
<b>Cộng</b>	<b>92.976.830</b>	<b>-</b>	<b>92.976.830</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5. Trả trước cho người bán****5.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Ông Phạm Văn Lộc (*)	13.879.279.476	16.598.338.521
Bà Doãn Thị Thảo	-	11.454.077.521
Bà Võ Thị Thiện	-	10.079.605.144
Công ty TNHH Giấy An Lộc	4.997.599.784	8.064.786.603
Ông Nguyễn Văn Đăng (*)	10.651.682.694	5.930.608.500
Công ty cổ phần chè Minh Thịnh	2.400.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nhật Minh Xanh	1.804.599.740	-
Các đối tượng khác	5.084.114.896	32.767.756.491
<b>Cộng</b>	<b>38.817.276.590</b>	<b>84.895.172.780</b>

(\*): Theo hợp đồng mua mủ cao su với các cá nhân, Công ty sẽ phải thanh toán trước 90% giá trị lô hàng ngay sau khi thống nhất đơn giá mua bán.

**5.2 Trả trước người bán với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	36.885.737.329	-	39.308.603.513	-
Chi phí SXKD dở dang	8.073.748.565	-	9.423.990.605	-
Thành phẩm	12.288.277.658	-	11.043.055.371	-
Hàng hoá	37.120.027.596	-	6.751.390.511	-
<b>Cộng</b>	<b>94.367.791.148</b>	<b>-</b>	<b>66.527.040.000</b>	<b>-</b>

Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

Tên công ty	Loại hàng gửi	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Cao su Hiệp Hưng	Mủ cao su, cao su thành phẩm	-	5.587.923.634
Công ty Cổ phần Cao Su Bình Dương	Mủ cao su, cao su thành phẩm	-	44.748.735.250
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Mủ cao su, cao su thành phẩm	479.861.399	-
Công ty TNHH Giấy An Lộc	Mủ cao su, cao su thành phẩm	56.136.359.342	-
Ông Nguyễn Văn Đăng	Mủ cao su, cao su thành phẩm	16.457.655.850	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Nam BP	Nhân điều	8.680.276.278	-

**7. Chi phí trả trước****7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Phí và bảo hiểm	-	3.342.803
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>3.342.803</b>

**7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công cụ dụng cụ	28.196.273	43.192.128
<b>Cộng</b>	<b>28.196.273</b>	<b>43.192.128</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	31.624.172.000	-	31.624.172.000	20.004.172.000	-	20.004.172.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	59.500.000.000	-	59.500.000.000	34.940.000.000	-	34.940.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	6.625.000.000	-	6.625.000.000	14.125.000.000	-	14.125.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.470.000.000	-	2.470.000.000	2.470.000.000	-	2.470.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.219.172.000</b>	<b>-</b>	<b>100.219.172.000</b>	<b>71.539.172.000</b>	<b>-</b>	<b>71.539.172.000</b>

8.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước	Nông sản		95%	180.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Khách sạn Vĩnh Phúc	Khách sạn	2.940.000	98%	31.444.172.000	2.000.417	66,68%	20.004.172.000
<b>Cộng</b>				<b>31.624.172.000</b>			<b>20.004.172.000</b>

8.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị
Công ty cổ phần Gốm sứ Haccoco	Gốm sứ	2.940.000	48%	41.500.000.000	1.350.000	22,23%	20.000.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Khách sạn		45%	18.000.000.000	-	-	-
Công ty CP SX và Cung ứng VL Xây dựng Kotum	VL xây dựng			-	1.494.000	49,8%	14.940.000.000
<b>Cộng</b>				<b>59.500.000.000</b>			<b>34.940.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

#### 8. Đầu tư tài chính dài hạn

##### 8.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2019			01/01/2019		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Gốm sứ		17,43%	6.625.000.000		17,43%	6.625.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Gạch ngói		-	-		18,75%	7.500.000.000
<b>Cộng</b>				<b>6.625.000.000</b>			<b>14.125.000.000</b>

##### 8.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu Ngân hàng NN & PTNNVN (*)	31/12/2019	01/01/2019
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	1.970.000.000	1.970.000.000
	<b>2.470.000.000</b>	<b>2.470.000.000</b>

(\*) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi

(\*\*) Số lượng 197 trái phiếu với giá mua 1.970.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi



## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

## 9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trung thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	-	293.636.364	1.946.884.546	-	-	2.240.520.910
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(641.677.273)	-	-	(641.677.273)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	-	293.636.364	1.305.207.273	-	-	1.598.843.637
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	-	40.888.079	594.612.999	-	-	635.501.078
Khấu hao trong kỳ	-	29.363.640	286.532.102	-	-	315.895.742
Hao mòn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(313.785.541)	-	-	(313.785.541)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	-	70.251.719	567.359.560	-	-	637.611.279
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2019	-	252.748.285	1.352.271.547	-	-	1.605.019.832
Tại ngày 31/12/2019	-	223.384.645	737.847.713	-	-	961.232.358

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố cho vay:

- đồng  
- đồng  
737.847.713 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****10. Các khoản phải thu khác****10.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
<b>Tạm ứng</b>	<b>6.953.807.200</b>	<b>5.223.876.800</b>
Ông Lê Quang Thạch - Tạm ứng đầu tư dự án nhà máy gạch (i)	6.168.547.000	5.223.876.800
Các đối tượng khác	785.260.200	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>43.915.276.964</b>	<b>7.961.758.520</b>
Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	-	3.942.534.116
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Nam BP (ii)	27.104.836.724	-
Phải thu lãi tiền gửi hợp đồng ủy thác và lãi trái phiếu	232.785.458	792.900.743
Bà Hà Thị Hiến - tiền chuyển nhượng cổ phần	-	3.076.123.200
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần (iii)	16.212.680.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	364.974.782	150.200.461
<b>Cộng</b>	<b>50.869.084.164</b>	<b>13.185.635.320</b>

- (i) Tạm ứng dự án đầu tư Nhà máy sản xuất gạch, ngôi công nghệ mới lò xoay công suất lớn tại khu công nghiệp Minh Quân, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.
- (ii) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-2019/HĐNT/KD-TN-CRC giữa Công ty CP Create Capital Việt Nam và Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Thành Nam BP thực hiện đầu tư và kinh doanh dự án Kinh doanh sản phẩm nông sản.
- (iii) Hợp đồng chuyển nhượng số 04-15/2019/HĐCNCP/VLXDKT chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum.

**10.2 Phải thu khác dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long (iv)	-	27.805.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>27.805.000.000</b>

- (iv) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 02/04/2011 và phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 15/01/2014. Công ty góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long để đầu tư thực hiện dự án: "Xây dựng chức năng hỗn hợp dịch vụ công cộng, nhà trẻ và nhà ở căn hộ". Trong năm 2019, Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam đã thu hồi toàn bộ vốn góp hợp tác kinh doanh Công ty cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long.

**11. Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát (i)	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>

- (i) Theo thỏa thuận ngày 26/07/2017, Công ty hợp tác với công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát để thực hiện dự án "Cấp nhiệt cho hệ thống sấy cao su thay thế nhiên liệu dầu DO tại nhà máy chế biến cao su Hiệp Hưng tại xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum". Thời gian hợp tác tính từ ngày Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát nhận đủ tiền vốn góp cho đến hết vòng đời dự án. Công ty được hoàn trả gốc dần trong 60 tháng và được chia đều trong 20 quý, tương ứng số tiền 25.000.000 VND/Quý và sẽ trả với lãi suất là 10% trên số dự nợ giảm dần.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

## 12. Phải trả người bán

## 12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Đạt	1.184.152.110	1.184.152.110	1.184.152.110	1.184.152.110
Công ty cổ phần Cầu Đuồng	1.189.300.000	1.189.300.000	1.189.300.000	1.189.300.000
Công ty TNHH SX TM Thái Hưng Thịnh	945.000.000	945.000.000	-	-
Công ty TNHH Trường Sáng	442.826.425	442.826.425	442.826.425	442.826.425
Công ty TNHH SX TM Thành Nam BP	28.399.207.976	28.399.207.976	-	-
Công ty TNHH Trường Sơn	4.580.184.113	4.580.184.113	-	-
Công ty CP CRC SOLAR CELL	1.980.000.000	1.980.000.000	-	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	7.737.364.775	7.737.364.775	-	-
Các đối tượng khác	943.516.030	-943.516.030	1.029.309.069	1.029.309.069
<b>Cộng</b>	<b>47.401.551.429</b>	<b>47.401.551.429</b>	<b>3.845.587.604</b>	<b>3.845.587.604</b>

## 12.2 Phải trả người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

## 13. Người mua trả tiền trước

## 13.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Trường Sơn	-	2.258.773.993
Công ty TNHH Vạn Lợi (i)	1.435.000.000	1.435.000.000
Công ty TNHH XNK Italia Lưu Kim	-	33.000.000
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp nặng MICO	172.000.000	-
Công ty cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh (ii)	1.862.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.469.000.000</b>	<b>3.726.773.993</b>

- (i) Khoản ứng trước của Công ty theo Hợp đồng số 05/2018/CC-VL ngày 30/10/2018 về việc cung cấp cao su tự nhiên SVR10.
- (ii) Khoản ứng trước của Công ty cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh theo Hợp đồng số 03/11/2019/TNBN - CRC ngày 26/11/2019 về việc cung cấp xe ô tô hút chất thải và ô tô tài cơ cần cầu.

## 13.2 Người mua trả tiền trước với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

##### 14.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.650.285.821	838.890.593	3.122.991.362	366.185.052
Thuế thu nhập cá nhân	117.452.500	-	117.452.500	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế BV MT và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	210.546.213	210.546.213	-
<b>Cộng</b>	<b>2.767.738.321</b>	<b>1.052.436.806</b>	<b>3.453.990.075</b>	<b>366.185.052</b>

#### 15. Phải trả khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.126.660.197	10.126.660.197	8.055.198.662	8.055.198.662
+ Công ty CP Sản xuất cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	459.460.397	459.460.397	21.317.754	21.317.754
+ Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	-	-	2.882.930.908	2.882.930.908
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	9.325.760.000	9.325.760.000	5.150.950.000	5.150.950.000
+ Phải trả khác	341.439.800	341.439.800	-	-
Nhận ký quỹ	33.000.000	33.000.000	-	-
+ Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu Kim	33.000.000	33.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.159.660.197</b>	<b>10.159.660.197</b>	<b>8.055.198.662</b>	<b>8.055.198.662</b>

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
- Chi phí dịch vụ xuất khẩu	-	37.077.454
- Cước điện thoại tháng 12	-	928.793
- Chi phí gia công mù cao su	3.120.168.600	-
- Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	113.176.182	-
<b>Cộng</b>	<b>3.233.344.782</b>	<b>38.006.247</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

## 17. Vay và nợ thuê tài chính

## Các khoản vay

	Phát sinh trong kỳ				31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	127.175.765.737	127.175.765.737	380.975.697.743	350.216.577.766	157.934.885.714	157.934.885.714
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long	59.886.774.589	59.886.774.589	78.620.266.154	138.507.040.743	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	67.288.991.148	67.288.991.148	200.259.236.456	188.050.243.289	79.497.984.315	79.497.984.315
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà	-	-	67.862.163.460	17.811.077.945	50.051.085.515	50.051.085.515
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	34.234.031.673	5.848.215.789	28.385.815.884	28.385.815.884
Vay dài hạn đến hạn trả	724.320.000	724.320.000	-	724.320.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 1	724.320.000	724.320.000	-	724.320.000	-	-
Vay dài hạn	1.448.640.000	1.448.640.000	-	1.448.640.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 1	1.448.640.000	1.448.640.000	-	1.448.640.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>129.348.725.737</b>	<b>129.348.725.737</b>	<b>380.975.697.743</b>	<b>352.389.537.766</b>	<b>157.934.885.714</b>	<b>157.934.885.714</b>

## 17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Bên cho vay	Hợp đồng vay/khoản vay	Số dư cuối năm	Nguyên tệ	Lãi suất
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà	Hợp đồng tín dụng số 1260-LAV-201900313 ngày 13/08/2019	50.051.085.515		10%
	- Vay tiền VND	14.778.827.178	14.778.827.178	
	- Vay tiền USD	35.272.258.337	1.519.046	4%

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của của Hợp đồng tín dụng số 1260-LAV-201900313 ngày 13/08/2019 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc
- Xe ô tô Ford Ranger, Biên kiểm soát 29C - 737.42; Xe ô tô Toyota Yaris, Biên kiểm soát 29C - 30F 335.16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

Bên cho vay	Hợp đồng vay/khoản vay	Số dư cuối năm	Nguyên tệ	Lãi suất
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/8353501/HDTD	44.650.280.929		
	- Vay tiền VND	27.843.936.236	27.843.936.236	Theo từng giấy nhận nợ, từ 7-7,3%
	- Vay tiền USD	16.806.344.693	723.476	Theo từng giấy nhận nợ, từ 4,2-5%
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2019/8353501/HDTD	34.847.703.386		
	- Vay tiền VND	20.258.983.000	20.258.983.000	Theo từng giấy nhận nợ, từ 7-7,3%
	- Vay tiền USD	14.588.720.386	628.012	Theo từng giấy nhận nợ, từ 4,2-5%

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của của Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8353501/HDTD và Hợp đồng tín dụng số 02/2019/8353501/HDTD bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm
- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại số 26D ngõ 12 Đặng Thai Mai thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm
- 197 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 1.970.000.000
- 750.000 Cổ phiếu của Công ty CP Creat Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm

Bên cho vay	Hợp đồng vay/khoản vay	Số dư cuối năm	Nguyên tệ	Lãi suất
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019-HDCVHM/NHCT127-CRC	28.385.815.884		
	- Vay tiền VND	24.546.200.000	24.546.200.000	7%
	- Vay tiền USD	3.839.615.884	165.308	4%

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của của Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8353501/HDTD và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2019/8353501/HDTD bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số số BY 045357 của Ông Mai Anh Tâm và bà Trần Thị Thu Hiền
- Các số tiết kiệm với số tiền 6.000.000.000 đồng của Ông Nguyễn Viết Giáp do Công ty ủy thác gửi





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	-	-	-	<b>18.145.604.925</b>	<b>168.145.604.925</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	15.875.418.409	15.875.418.409
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Chuyển LN về Tổng Công ty	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	10.645.604.925	(10.645.604.925)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ trước/đầu kỳ này</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	-	-	<b>10.645.604.925</b>	<b>15.875.418.409</b>	<b>176.521.023.334</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	6.114.897.161	6.114.897.161
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(255.590.677)	(255.590.677)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	-	-	<b>10.645.604.925</b>	<b>14.234.724.893</b>	<b>174.880.329.818</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tâm	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Các cổ đông khác	135.000.000.000	135.000.000.000	-	135.000.000.000	135.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2019	Năm 2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.500.000.000	7.500.000.000

Cổ phiếu:

	Năm 2019	Năm 2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**19. Các khoản mục ngoại bảng****a/ Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
Dollar Mỹ (USD)	10.888,44	510.727,03



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>400.740.048.524</b>	<b>225.509.272.467</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	310.293.918.881	104.676.189.765
Doanh thu bán thành phẩm	88.102.493.283	85.843.961.879
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.900.000.000	34.698.211.735
Doanh thu cho thuê tài sản	443.636.360	290.909.088
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>400.740.048.524</b>	<b>225.509.272.467</b>
Doanh thu thuần bán hàng hóa	310.293.918.881	104.676.189.765
Doanh thu thuần bán thành phẩm	88.102.493.283	85.843.961.879
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	1.900.000.000	34.698.211.735
Doanh thu thuần cho thuê tài sản	443.636.360	290.909.088

**21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn của hàng hóa đã bán	308.461.036.207	103.246.908.656
Giá vốn của thành phẩm đã bán	81.963.903.924	80.564.930.872
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.750.000.000	29.571.520.090
Giá vốn cho thuê tài sản	54.545.460	27.272.730
<b>Cộng</b>	<b>392.229.485.591</b>	<b>213.410.632.348</b>

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi ngân hàng và ủy thác đầu tư	1.164.464.180	2.445.973.273
Lãi tiền cho vay	55.232.877	51.381.374
Lãi thanh lý khoản đầu tư	2.518.470.759	10.872.000.000
Cổ tức được chia	3.948.227.487	3.942.534.116
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	233.375.644	50.811.288
Doanh thu tài chính khác	-	518.723
<b>Cộng</b>	<b>7.919.770.947</b>	<b>17.363.218.774</b>

**23. Chi phí tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí lãi vay	5.848.099.909	4.084.352.742
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	64.741.018	141.156.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	300.835.011	872.146.056
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.213.675.938</b>	<b>5.097.655.016</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019	Năm 2018
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	583.412.819	639.440.659
- Chi phí công cụ quản lý	22.981.766	30.775.358
- Chi phí khấu hao TSCĐ	286.532.102	244.074.299
- Chi phí dự phòng	-	27.893.049
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.446.428	1.074.579.715
- Chi phí khác bằng tiền	26.770.453	347.758.290
<b>Cộng</b>	<b>1.917.143.568</b>	<b>2.367.521.370</b>

**25. Chi phí bán hàng**

	Năm 2019	Năm 2018
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí vật liệu bán hàng	-	93.411.520
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.500.178.600	2.582.009.811
<b>Cộng</b>	<b>1.500.178.600</b>	<b>2.675.421.331</b>

**26. Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Thu nhập khác</b>	<b>528.507.885</b>	<b>3.791</b>
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	326.653.723	-
- Hàng hóa thừa khi kiểm kê	201.852.000	
- Các khoản khác	2.162	3.791
<b>Chi phí khác</b>	<b>374.055.905</b>	<b>402.236.398</b>
- Lỗ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	33.342.000
- Thuế bị phạt, bị truy thu	291.986.689	241.400.661
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	155.684
- Phạt vi phạm hợp đồng	55.152.546	127.335.493
- Chi phí khác	26.916.670	2.560
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b>	<b>154.451.980</b>	<b>(402.232.607)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****27. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	659.509.391	3.043.610.160
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNNH của kỳ này	179.381.202	-
<b>Cộng</b>	<b>838.890.593</b>	<b>3.043.610.160</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>6.953.787.754</b>	<b>18.919.028.569</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>(3.656.240.798)</b>	<b>(3.700.977.771)</b>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>291.986.689</u>	<u>241.556.345</u>
Phạt chậm nộp thuế và truy thu thuế	291.986.689	241.400.661
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	155.684
Doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-	-
Chi phí lãi vay không hợp lý theo nghị định 20	-	-
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>(3.948.227.487)</u>	<u>(3.942.534.116)</u>
Cổ tức được chia	(3.948.227.487)	(3.942.534.116)
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của (các) kỳ trước	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>3.297.546.956</b>	<b>15.218.050.798</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>3.297.546.956</b>	<b>15.218.050.798</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	659.509.391	3.043.610.160
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ</b>	<b>2.650.285.821</b>	<b>2.417.270.934</b>
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản quyết toán thuế	179.381.202	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.122.991.362)	(2.810.595.273)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>366.185.052</b>	<b>2.650.285.821</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.120.517.404	89.511.835.894
Chi phí nhân công	182.981.766	639.440.659
Chi phí khấu hao TSCĐ	286.532.102	273.437.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.071.112.428	7.161.553.047
Chi phí khác bằng tiền	29.770.453	676.152.925
<b>Cộng</b>	<b>88.690.914.153</b>	<b>98.262.420.464</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, công ty con, công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết tại Công ty, các thành viên thân cận trong gia đình của Chủ tịch HĐQT được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất và XNK CRC Bình Phước	Công ty con
Công ty CP Liên doanh phát triển năng lượng CRC	Công ty con
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP Gốm sứ Hacıco	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum	Công ty liên kết từ ngày 01/01/2019 đến ngày 18/07/2019
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/01/2019 đến 03/7/2019
Công ty CP Hạng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Phụ gia Bê tông Phà Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Hà Nội	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Goldstar Việt Nam	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty CP Cao su Hiệp Hưng	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Công ty và các Cổ đông của Cty có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****I. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)**

Thù lao trả cho các thành viên Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương và phụ cấp	19.992.250	59.863.200
<b>Cộng</b>	<b>19.992.250</b>	<b>59.863.200</b>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. Phải thu khách hàng</b>				
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Xuất bán cao su, nhân diều	24.950.545.000	-
		Trả tiền hàng	2.960.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Trả tiền hàng	1.955.340.000	11.498.268.688
		Doanh thu xây lắp	-	6.000.000.000
		Bù trừ công nợ	-	1.046.381.702
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	Xuất bán sắt thép	1.891.727.326	-
		Xuất bán than	-	601.276.000
		Bán máy xúc	-	120.000.000
		Bù trừ công nợ	1.471.723.444	562.930.908
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Bán xe ô tô	654.545.455	-
		Xuất bán than, máy móc	-	30.756.742.049
		Trả tiền hàng	-	33.761.190.247
		Bù trừ công nợ	1.538.773.993	-
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Doanh thu xây lắp	1.900.000.000	-
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Xuất bán hàng hóa	461.489.980	2.015.340.943
		Trả tiền hàng	507.638.934	2.216.875.037
<b>II. Các khoản đầu tư</b>				
Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền đầu tư	15.981.226.849	14.250.000.000
		Ủy thác đầu tư	-	15.900.000.000
		Thu hồi lãi tiền gửi ủy thác	306.147.946	1.178.041.102
		Bán cổ phần cho Công ty	11.440.000.000	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Góp vốn vào Trường Sơn	-	1.900.000.000
<b>III. Phải thu khác</b>				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	Chuyển tiền	1.776.182.246	1.317.997.508
		Thu hồi tiền	-	1.340.000.000
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Chi tiền cho mượn	180.000.000	-
		Thu hồi tiền cho mượn	180.000.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

#### I. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
<b>III. Phải thu khác</b>				
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Chuyển tiền cho Kontum	635.000.000	810.000.000
		Kontum trả cổ tức, thu hồi tiền	6.654.500.000	839.445.600
Bà Dương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển tiền	80.000.000	-
		Thu hồi tiền	80.000.000	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Chuyển tiền	-	1.190.000.000
		Thu hồi tiền	-	1.227.000.000
<b>IV. Tạm ứng</b>				
Bà Dương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	220.000.000	-
		Hoàn tạm ứng	220.000.000	-
<b>V. Phải trả người bán</b>				
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi phí thuê nhà	27.272.730	36.363.640
		Thanh toán tiền thuê nhà	25.000.000	40.000.000
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Nhập gạch đặc	7.143.500.000	-
		Chuyển trả tiền gạch đặc	3.250.000.000	-
		Bù trừ công nợ	-	6.615.130
Công ty cổ phần cao su Hiệp Hưng	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Gia công mù cao su	-	2.482.857.143
		Gửi hàng	-	5.587.923.634
Công ty cổ phần Phụ gia Bê tông Phá Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mua hàng hóa	-	305.100.000
Công ty CP Gốm sứ Hacıco	Công ty liên kết	Nhập gạch	-	438.900.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Nhập tôn, sắt thép	6.474.009.200	-
		Thanh toán tiền	4.080.000.000	-
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Nhập mua máy móc	1.800.000.000	-
<b>VI. Phải trả khác</b>				
Công ty CP Gốm sứ Hacıco	Công ty liên kết	Nhận tiền cho mượn	2.000.000.000	-
		Thanh toán tiền mượn	2.000.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết	Nhận tiền, bù trừ công nợ	-	1.352.996.832
		Trả tiền, bù trừ công nợ	234.367.754	1.374.314.586
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	Thanh toán công nợ	-	2.320.000.000
		Bù trừ công nợ	-	562.930.908



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

#### 1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
<b>I. Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 03/07/2019	48.706.831.890	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019	2.922.253.910	1.650.000.000
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	741.176.614	132.000.000
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	2.090.000.000	-
<b>II. Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	-	2.258.773.999
<b>III. Phải thu khác</b>			
Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	-	115.422.850
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	364.974.782	-
<b>IV. Phải trả người bán</b>			
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 03/07/2019	20.000.000	-
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	1.980.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019	458.386.237	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	4.580.184.113	-
<b>V. Trả trước cho người bán</b>			
Công ty cổ phần Cao Su Hiệp Hưng	BLQ của thành viên HĐQT	1.349.377.963	1.349.377.963
<b>VI. Phải trả phải nộp khác</b>			
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	-	2.882.930.908
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Công ty liên kết đến ngày 17/08/2019	459.460.397	21.317.754

**Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác**

Lãi suất cho vay, giá dịch vụ, hàng hoá của các bên liên quan cung cấp là giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

#### 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

#### 3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

NGUYỄN VIỆT GIÁP  
Người lập

VŨ THỊ THỦY  
Kế toán trưởng



MAI ANH TÂM  
Tổng giám đốc